

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /QĐ-UBND

Kiên Giang, ngày tháng năm 2025

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc công bố chuẩn hóa danh mục thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền  
giải quyết của Sở khoa học và công nghệ/UBND cấp huyện  
áp dụng trên địa bàn tỉnh Kiên Giang**

**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KIÊN GIANG**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 02 năm 2025;*

*Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;*

*Căn cứ Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính; Nghị định số 107/2021/NĐ-CP ngày 06 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;*

*Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn nghiệp vụ về kiểm soát thủ tục hành chính;*

*Căn cứ Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23 tháng 11 năm 2018 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ về hướng dẫn thi hành một số quy định của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính*

*phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;*

*Căn cứ Quyết định số 753/QĐ-BKHCHN ngày 29 tháng 4 năm 2025 của Bộ trưởng Khoa học và Công nghệ về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính được chuẩn hóa thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Khoa học và Công nghệ;*

*Theo đề nghị của Sở Khoa học và Công nghệ tại Tờ trình số 112/TTr-SKHCHN ngày 12 tháng 5 năm 2025.*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Công bố kèm theo Quyết định này chuẩn hóa danh mục thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở khoa học và công nghệ/UBND cấp huyện áp dụng trên địa bàn tỉnh Kiên Giang.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Quyết định này thay thế các quyết định:

- Quyết định số 873/QĐ-UBND ngày 12/4/2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về công bố danh mục thủ tục hành chính được chuẩn hóa thuộc ngành Khoa học và Công nghệ áp dụng trên địa bàn tỉnh Kiên Giang;

- Quyết định số 2127/QĐ-UBND ngày 23/7/2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về công bố Danh mục thủ tục hành chính bị bãi bỏ lĩnh vực Hoạt động khoa học và Công nghệ thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Khoa học và Công nghệ áp dụng trên địa bàn tỉnh Kiên Giang;

- Quyết định số 3456/QĐ-UBND ngày 30/12/2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh công bố danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực hoạt động khoa học và công nghệ thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Khoa học và Công nghệ áp dụng trên địa bàn tỉnh Kiên Giang;

- Quyết định số 335/QĐ-UBND ngày 10/02/2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc công bố danh mục thủ tục hành chính ban hành mới trong

lĩnh vực Hoạt động khoa học và công nghệ áp dụng trên địa bàn tỉnh Kiên Giang.

- Thay thế 07 thủ tục hành chính tại Mục 1 (lĩnh vực bưu chính), Phần A (cấp tỉnh) Danh mục thủ tục hành chính chuẩn hóa thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Thông tin và Truyền thông/UBND cấp huyện áp dụng trên địa bàn tỉnh Kiên Giang ban hành kèm theo Quyết định số 135/QĐ-UBND ngày 18/01/2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các sở, thủ trưởng các ban, ngành cấp tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn và các tổ chức cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

***Nơi nhận:***

- Như Điều 3;
- Cục Kiểm soát TTHC-VPCP;
- CT và các PCT.UBND tỉnh;
- Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh;
- Lãnh đạo VP.UBND tỉnh;
- Trung tâm PVHCC;
- Lưu: VT, pmtrang.

**CHỦ TỊCH**

**Nguyễn Thanh Nhàn**

**CHUẨN HÓA DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ/UBND CẤP HUYỆN ÁP DỤNG TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH KIÊN GIANG**

*(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng năm 2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang)*

| STT      | Mã số TTHC                                           | Tên thủ tục hành chính                                                            | Thời hạn giải quyết                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | Địa điểm thực hiện                                                                                                                                                                                                         | Phí/lệ phí (nếu có) | Căn cứ pháp lý                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            |
|----------|------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| <b>A</b> | <b>THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH</b>                   |                                                                                   |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |                                                                                                                                                                                                                            |                     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           |
| <b>I</b> | <b>LĨNH VỰC HOẠT ĐỘNG KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ (35)</b> |                                                                                   |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |                                                                                                                                                                                                                            |                     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           |
| 1.       | 2.001143                                             | Thủ tục hỗ trợ phát triển tổ chức trung gian của thị trường khoa học và công nghệ | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Phê duyệt danh mục nhiệm vụ khoa học và công nghệ được hỗ trợ: Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ khi có kết quả làm việc của hội đồng tư vấn xác định nhiệm vụ.</li> <li>- Công bố công khai nhiệm vụ khoa học và công nghệ trên cổng thông tin điện tử của địa phương quản lý: Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày phê duyệt danh mục nhiệm vụ khoa học và công nghệ được hỗ trợ.</li> </ul> | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nộp hồ sơ trực tiếp tại Trung tâm phục vụ hành chính công</li> <li>- Gửi hồ sơ qua dịch vụ bưu chính.</li> <li>- Nộp trực tuyến qua Hệ thống thông tin giải quyết TTHC</li> </ul> | Không               | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Khoa học và Công nghệ số 29/2013/QH13 ngày 18/6/2013;</li> <li>- Luật Chuyển giao công nghệ số 07/2017/QH14 ngày 19/6/2017;</li> <li>- Nghị định số 76/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Luật Chuyển giao công nghệ;</li> <li>- Thông tư số 06/2023/TT-BKHCN ngày 25/5/2023 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định trình tự, thủ tục xác định nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp</li> </ul> |

| STT | Mã số TTHC | Tên thủ tục hành chính                                                                                                                                  | Thời hạn giải quyết                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | Địa điểm thực hiện                                                                                                                                                                                                         | Phí/lệ phí (nếu có) | Căn cứ pháp lý                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             |
|-----|------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|     |            |                                                                                                                                                         |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 |                                                                                                                                                                                                                            |                     | quốc gia sử dụng ngân sách nhà nước.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       |
| 2.  | 2.001137   | Thủ tục hỗ trợ doanh nghiệp có dự án thuộc ngành, nghề ưu đãi đầu tư, địa bàn ưu đãi đầu tư nhận chuyển giao công nghệ từ tổ chức khoa học và công nghệ | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Phê duyệt nhiệm vụ khoa học và công nghệ được hỗ trợ: Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ khi có kết quả làm việc của hội đồng tư vấn xác định nhiệm vụ.</li> <li>- Công bố công khai nhiệm vụ khoa học và công nghệ trên cổng thông tin điện tử của địa phương quản lý: Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày phê duyệt nhiệm vụ khoa học và công nghệ được hỗ trợ.</li> </ul> | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nộp hồ sơ trực tiếp tại Trung tâm phục vụ hành chính công</li> <li>- Gửi hồ sơ qua dịch vụ bưu chính.</li> <li>- Nộp trực tuyến qua Hệ thống thông tin giải quyết TTHC</li> </ul> | Không               | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Khoa học và Công nghệ số 29/2013/QH13 ngày 18/6/2013;</li> <li>- Luật Chuyển giao công nghệ số 07/2017/QH14 ngày 19/6/2017;</li> <li>- Nghị định 76/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Luật Chuyển giao công nghệ;</li> <li>- Thông tư số 06/2023/TT-BKHCN ngày 25/5/2023 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định trình tự, thủ tục xác định nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia sử dụng ngân sách nhà nước</li> </ul> |

| STT | Mã số TTHC | Tên thủ tục hành chính                                                    | Thời hạn giải quyết                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | Địa điểm thực hiện                                                                                                                                                                                                         | Phí/lệ phí (nếu có) | Căn cứ pháp lý                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              |
|-----|------------|---------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 3.  | 1.002690   | Thủ tục hỗ trợ doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân thực hiện giải mã công nghệ | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Phê duyệt nhiệm vụ khoa học và công nghệ được hỗ trợ: Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ khi có kết quả làm việc của hội đồng tư vấn xác định nhiệm vụ.</li> <li>- Công bố công khai nhiệm vụ khoa học và công nghệ trên cổng thông tin điện tử của địa phương quản lý: Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày phê duyệt nhiệm vụ khoa học và công nghệ được hỗ trợ.</li> </ul> | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nộp hồ sơ trực tiếp tại Trung tâm phục vụ hành chính công</li> <li>- Gửi hồ sơ qua dịch vụ bưu chính.</li> <li>- Nộp trực tuyến qua Hệ thống thông tin giải quyết TTHC</li> </ul> | Không               | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Khoa học và Công nghệ số 29/2013/QH13 ngày 18/6/2013;</li> <li>- Luật Chuyển giao công nghệ số 07/2017/QH14 ngày 19/6/2017;</li> <li>- Nghị định 76/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Luật Chuyển giao công nghệ;</li> <li>- Thông tư số 06/2023/TT-BKHCN ngày 25/5/2023 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định trình tự, thủ tục xác định nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia sử dụng ngân sách nhà nước.</li> </ul> |

| STT | Mã số TTHC | Tên thủ tục hành chính                                                                                                                                                                      | Thời hạn giải quyết                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | Địa điểm thực hiện                                                                                                                                                                                                         | Phí/lệ phí (nếu có) | Căn cứ pháp lý                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             |
|-----|------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 4.  | 2.001643   | Thủ tục hỗ trợ tổ chức khoa học và công nghệ có hoạt động liên kết với tổ chức ứng dụng, chuyển giao công nghệ địa phương để hoàn thiện kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Phê duyệt nhiệm vụ khoa học và công nghệ được hỗ trợ: Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ khi có kết quả làm việc của hội đồng tư vấn xác định nhiệm vụ.</li> <li>- Công bố công khai nhiệm vụ khoa học và công nghệ trên cổng thông tin điện tử của địa phương quản lý: Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày phê duyệt nhiệm vụ khoa học và công nghệ được hỗ trợ.</li> </ul> | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nộp hồ sơ trực tiếp tại Trung tâm phục vụ hành chính công</li> <li>- Gửi hồ sơ qua dịch vụ bưu chính.</li> <li>- Nộp trực tuyến qua Hệ thống thông tin giải quyết TTHC</li> </ul> | Không               | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Khoa học và Công nghệ số 29/2013/QH13 ngày 18/6/2013;</li> <li>- Luật Chuyển giao công nghệ số 07/2017/QH14 ngày 19/6/2017;</li> <li>- Nghị định 76/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Luật Chuyển giao công nghệ;</li> <li>- Thông tư số 06/2023/TT-BKHCN ngày 25/5/2023 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định trình tự, thủ tục xác định nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia sử dụng ngân sách nhà nước</li> </ul> |
| 5.  | 2.001179   | Xác nhận hàng hóa sử dụng trực tiếp cho phát triển hoạt động ươm tạo công                                                                                                                   | <ul style="list-style-type: none"> <li>- 10 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ: Có văn bản trả lời</li> <li>- Trường hợp cần thiết, tham mưu UBND tỉnh tổ</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                                        | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nộp hồ sơ trực tiếp tại Trung tâm phục vụ hành chính công</li> <li>- Gửi hồ sơ qua dịch vụ bưu</li> </ul>                                                                         | Không               | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu năm 2016;</li> <li>- Nghị định số 134/2016/NĐ-CP ngày 01/09/2016 của Chính phủ</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     |

| STT | Mã số TTHC | Tên thủ tục hành chính           | Thời hạn giải quyết                                                                                              | Địa điểm thực hiện | Phí/lệ phí (nếu có) | Căn cứ pháp lý                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         |
|-----|------------|----------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------|---------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|     |            | nghệ, ươm tạo doanh nghiệp KH&CN | chức hội đồng thẩm tra hồ sơ. Thời gian thẩm tra và trả lời không quá 20 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ. | chính.             |                     | <p>quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu.</p> <p>- Quyết định số 30/2018/QĐ-TTg ngày 31/7/2018 của TTCP quy định trình tự, thủ tục xác nhận hàng hóa sử dụng trực tiếp cho phát triển hoạt động ươm tạo công nghệ, ươm tạo doanh nghiệp KH&amp;CN, đổi mới công nghệ; phương tiện vận tải chuyên dùng trong dây chuyền công nghệ sử dụng trực tiếp cho hoạt động sản xuất của dự án đầu tư.</p> <p>- Thông tư số 14/2017/TT-BKHCN ngày 01/12/2017 của Bộ trưởng Bộ KH&amp;CN quy định tiêu chí xác định phương tiện vận tải, máy móc, thiết bị, phụ tùng, vật tư chuyên dùng và danh mục tài liệu, sách báo, tạp chí khoa học quy định tại khoản</p> |



| STT | Mã số TTHC | Tên thủ tục hành chính                                                                           | Thời hạn giải quyết                                 | Địa điểm thực hiện                                                                                                                                        | Phí/lệ phí (nếu có)                                                                                                                                                                                                                                                         | Căn cứ pháp lý                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        |
|-----|------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|     |            |                                                                                                  |                                                     |                                                                                                                                                           |                                                                                                                                                                                                                                                                             | 2 điều 40 Nghị định số 134/2016/NĐ-CP.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                |
| 6.  | 2.002248   | Cấp Giấy chứng nhận đăng ký chuyển giao công nghệ (trừ trường hợp thuộc thẩm quyền của Bộ KH&CN) | 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ. | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nộp hồ sơ trực tiếp tại Trung tâm phục vụ hành chính công</li> <li>- Gửi hồ sơ qua dịch vụ bưu chính.</li> </ul> | <p>Đối với các hợp đồng chuyển giao công nghệ đăng ký lần đầu thì phí thẩm định hợp đồng chuyển giao công nghệ được tính theo tỷ lệ bằng 0,1% (một phần nghìn) tổng giá trị của hợp đồng chuyển giao công nghệ nhưng tối đa không quá 10 (mười) triệu đồng và tối thiểu</p> | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Chuyển giao công nghệ năm 2017;</li> <li>- Nghị định số 76/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chuyển giao công nghệ;</li> <li>- Thông tư số 169/2016/TT-BTC ngày 26/10/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định hợp đồng chuyển giao công nghệ.</li> </ul> |

| STT | Mã số TTHC | Tên thủ tục hành chính                                                                                                                          | Thời hạn giải quyết                                | Địa điểm thực hiện                                                                                                                                        | Phí/lệ phí (nếu có)                                                                                                                                                   | Căn cứ pháp lý                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               |
|-----|------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|     |            |                                                                                                                                                 |                                                    |                                                                                                                                                           | không dưới 05 (năm) triệu đồng.                                                                                                                                       |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              |
| 7.  | 2.002249   | Giấy chứng nhận đăng ký gia hạn, sửa đổi, bổ sung nội dung chuyển giao công nghệ (trừ trường hợp thuộc thẩm quyền của Bộ Khoa học và Công nghệ) | 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nộp hồ sơ trực tiếp tại Trung tâm phục vụ hành chính công</li> <li>- Gửi hồ sơ qua dịch vụ bưu chính.</li> </ul> | Đối với các hợp đồng chuyển giao công nghệ đề nghị đăng ký sửa đổi, bổ sung thì phí thẩm định hợp đồng chuyển giao công nghệ được tính theo tỷ lệ bằng 0,1% (một phần | <ul style="list-style-type: none"> <li>-Luật Chuyển giao công nghệ 2017;</li> <li>- Nghị định số 76/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chuyển giao công nghệ;</li> <li>- Thông tư số 02/2018/TT-BKHCN ngày 15/5/2018 của Bộ trưởng Bộ KH&amp;CN quy định chế độ báo cáo thực hiện hợp đồng chuyển giao công nghệ thuộc Danh mục</li> </ul> |

| STT | Mã số TTHC | Tên thủ tục hành chính                                                          | Thời hạn giải quyết | Địa điểm thực hiện                                                                                | Phí/lệ phí (nếu có)                                                                                                                     | Căn cứ pháp lý                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |
|-----|------------|---------------------------------------------------------------------------------|---------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|     |            |                                                                                 |                     |                                                                                                   | ngàn) tổng giá trị của hợp đồng sửa đổi, bổ sung nhưng tối đa không quá 05 (năm) triệu đồng và tối thiểu không dưới 03 (ba) triệu đồng. | công nghệ hạn chế chuyển giao; mẫu văn bản trong hoạt động cấp Giấy phép chuyển giao công nghệ, đăng ký gia hạn, sửa đổi, bổ sung nội dung chuyển giao công nghệ;<br>- Thông tư số 169/2016/TT-BTC ngày 26/10/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định hợp đồng chuyển giao công nghệ. |
| 8.  | 1.001786   | Cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động lần đầu cho tổ chức khoa học và công nghệ | 15 ngày làm việc    | - Nộp hồ sơ trực tiếp tại Trung tâm phục vụ hành chính công<br>- Gửi hồ sơ qua dịch vụ bưu chính. | 3.000.000 đồng                                                                                                                          | - Luật Khoa học và Công nghệ ngày 18/6/2013.<br>- Nghị định số 08/2014/NĐ-CP ngày 27/01/2014 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Khoa học và Công nghệ.<br>- Thông tư số 03/2014/TT-BKHCN ngày 31/3/2014 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và                                                                      |

| STT | Mã số TTHC | Tên thủ tục hành chính | Thời hạn giải quyết | Địa điểm thực hiện              | Phí/lệ phí (nếu có) | Căn cứ pháp lý                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     |
|-----|------------|------------------------|---------------------|---------------------------------|---------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|     |            |                        |                     |                                 |                     | <p>Công nghệ hướng dẫn điều kiện thành lập và đăng ký hoạt động của tổ chức khoa học và công nghệ, văn phòng đại diện, chi nhánh của tổ chức khoa học và công nghệ.</p> <p>- Thông tư số 298/2016/TT-BTC ngày 15/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định điều kiện hoạt động về khoa học, công nghệ.</p> <p>- Thông tư số 15/2023/TT-BKHCN ngày 26/7/2023 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 32/2011/TT-BKHCN và Thông tư số 03/2014/TT-BKHCN.</p> |
| 9.  | 1.001716   | Cấp Giấy chứng nhận    | 15 ngày làm việc    | - Nộp hồ sơ trực tiếp tại Trung | 3.000.000 đồng      | - Luật Khoa học và Công nghệ ngày 18/6/2013.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       |

| STT | Mã số TTHC | Tên thủ tục hành chính                                                                | Thời hạn giải quyết | Địa điểm thực hiện                                                | Phí/lệ phí (nếu có) | Căn cứ pháp lý                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             |
|-----|------------|---------------------------------------------------------------------------------------|---------------------|-------------------------------------------------------------------|---------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|     |            | hoạt động lần đầu cho văn phòng đại diện, chi nhánh của tổ chức khoa học và công nghệ |                     | tâm phục vụ hành chính công<br>- Gửi hồ sơ qua dịch vụ bưu chính. |                     | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghị định số 08/2014/NĐ-CP ngày 27/01/2014 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Khoa học và Công nghệ.</li> <li>- Thông tư số 03/2014/TT-BKHCN ngày 31/3/2014 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn điều kiện thành lập và đăng ký hoạt động của tổ chức khoa học và công nghệ, văn phòng đại diện, chi nhánh của tổ chức khoa học và công nghệ.</li> <li>- Thông tư số 298/2016/TT-BTC ngày 15/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định điều kiện hoạt động về khoa học, công nghệ.</li> <li>- Thông tư số 15/2023/TT-</li> </ul> |

| STT | Mã số TTHC | Tên thủ tục hành chính                 | Thời hạn giải quyết                                                                                                                                                                                                                                                                 | Địa điểm thực hiện                                                                                                                                                                                                         | Phí/lệ phí (nếu có) | Căn cứ pháp lý                                                                                                                                             |
|-----|------------|----------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|     |            |                                        |                                                                                                                                                                                                                                                                                     |                                                                                                                                                                                                                            |                     | BKHCN ngày 26/7/2023 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 32/2011/TT-BKHCN và Thông tư số 03/2014/TT-BKHCN. |
| 10. | 2.002278   | Cấp Giấy chứng nhận doanh nghiệp KH&CN | <ul style="list-style-type: none"> <li>- 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.</li> <li>- Trường hợp cần mời chuyên gia hoặc thành lập hội đồng tư vấn thẩm định, đánh giá, thời hạn cấp GCN không quá 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.</li> </ul> | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nộp hồ sơ trực tiếp tại Trung tâm phục vụ hành chính công</li> <li>- Gửi hồ sơ qua dịch vụ bưu chính.</li> <li>- Nộp trực tuyến qua Hệ thống thông tin giải quyết TTHC</li> </ul> | Không               | Nghị định số 13/2019/NĐ-CP ngày 01 tháng 02 năm 2019 của Chính phủ về doanh nghiệp KH&CN.                                                                  |

| STT | Mã số TTHC | Tên thủ tục hành chính                                                     | Thời hạn giải quyết                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | Địa điểm thực hiện                                                                                                                                                                                                         | Phí/lệ phí (nếu có)                                                              | Căn cứ pháp lý                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |
|-----|------------|----------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 11. | 2.001525   | Cấp thay đổi nội dung, cấp lại Giấy chứng nhận doanh nghiệp KH&CN          | <ul style="list-style-type: none"> <li>- 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.</li> <li>- Trường hợp bổ sung sản phẩm hình thành từ kết quả KH&amp;CN, thời hạn cấp thay đổi nội dung GCN không quá 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.</li> </ul>                                                           | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nộp hồ sơ trực tiếp tại Trung tâm phục vụ hành chính công</li> <li>- Gửi hồ sơ qua dịch vụ bưu chính.</li> <li>- Nộp trực tuyến qua Hệ thống thông tin giải quyết TTHC</li> </ul> |                                                                                  | Nghị định số 13/2019/NĐ-CP ngày 01 tháng 02 năm 2019 của Chính phủ về doanh nghiệp KH&CN.                                                                                                                                                                                                                                                                                         |
| 12. | 1.006427   | Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ KH&CN không sử dụng ngân sách nhà nước | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Trường hợp đặc cách cấp Giấy xác nhận kết quả thực hiện nhiệm vụ: 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ.</li> <li>- Trường hợp không phải là đặc cách cấp giấy xác nhận kết quả thực hiện nhiệm vụ: 45 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ.</li> </ul> | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nộp hồ sơ trực tiếp tại Trung tâm phục vụ hành chính công</li> <li>- Gửi hồ sơ qua dịch vụ bưu chính.</li> </ul>                                                                  | Mức chi áp dụng theo quy định hiện hành đối với các nhiệm vụ KH&CN sử dụng NSNN. | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Khoa học và Công nghệ 2013.</li> <li>- Nghị định số 08/2014/NĐ-CP ngày 27 tháng 01 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật KH&amp;CN</li> <li>- Thông tư số 02/2015/TT-BKHCN ngày 06 tháng 3 năm 2015 của Bộ KH&amp;CN quy định việc đánh giá và thẩm định kết quả thực hiện</li> </ul> |

| STT | Mã số TTHC | Tên thủ tục hành chính                                                                                                                                                                           | Thời hạn giải quyết                                          | Địa điểm thực hiện                                                                                                                                        | Phí/lệ phí (nếu có)     | Căn cứ pháp lý                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          |
|-----|------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|     |            |                                                                                                                                                                                                  |                                                              |                                                                                                                                                           |                         | nhiệm vụ không sử dụng NSNN.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            |
| 13. | 2.000079   | Thẩm định kết quả thực hiện nhiệm vụ KH&CN không sử dụng ngân sách nhà nước mà có tiềm ẩn yếu tố ảnh hưởng đến lợi ích quốc gia, quốc phòng, an ninh, môi trường, tính mạng, sức khỏe con người. | 45 ngày làm việc làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ. | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nộp hồ sơ trực tiếp tại Trung tâm phục vụ hành chính công</li> <li>- Gửi hồ sơ qua dịch vụ bưu chính.</li> </ul> | Theo quy định hiện hành | <ul style="list-style-type: none"> <li>-Luật Khoa học và Công nghệ 2013;</li> <li>- Nghị định số 08/2014/NĐ-CP ngày 27/01/2014 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật KH&amp;CN</li> <li>-Thông tư số 02/2015/TT-BKHCN ngày 06/3/2015 của Bộ KH&amp;CN quy định việc đánh giá và thẩm định kết quả thực hiện nhiệm vụ không sử dụng NSNN</li> </ul> |



| STT | Mã số TTHC | Tên thủ tục hành chính                                                                                                                                       | Thời hạn giải quyết                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | Địa điểm thực hiện                                                                                                                                                                                                         | Phí/lệ phí (nếu có) | Căn cứ pháp lý                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 |
|-----|------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 14. | 1.008377   | Xét tiếp nhận vào viên chức và bổ nhiệm vào chức danh nghiên cứu khoa học, chức danh công nghệ đối với cá nhân có thành tích vượt trội trong hoạt động KH&CN | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thời hạn thành lập Hội đồng kiểm tra, sát hạch: Trong 15 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ từ Sở KH&amp;CN</li> <li>- Thời hạn Quyết định tiếp nhận vào viên chức và bổ nhiệm vào chức danh nghiên cứu khoa học, chức danh công nghệ:</li> <li>+ Trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày nhận được kết quả của Hội đồng kiểm tra, sát hạch đối với xét tiếp nhận vào viên chức và bổ nhiệm vào chức danh nghiên cứu viên cao cấp, kỹ sư cao cấp (hạng I);</li> <li>+ Trong thời hạn 45 ngày kể từ ngày nhận được kết quả của Hội đồng kiểm tra, sát hạch đối với xét tiếp nhận vào viên chức</li> </ul> | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nộp hồ sơ trực tiếp tại Trung tâm phục vụ hành chính công</li> <li>- Gửi hồ sơ qua dịch vụ bưu chính.</li> <li>- Nộp trực tuyến qua Hệ thống thông tin giải quyết TTHC</li> </ul> | Không               | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Khoa học và Công nghệ 2013</li> <li>- Nghị định số 40/2014/NĐ-CP ngày 12/5/2014 của Chính phủ quy định việc sử dụng, trọng dụng cá nhân hoạt động KH&amp;CN</li> <li>- Nghị định số 27/2020/NĐ-CP ngày 01/3/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 40/2014/NĐ-CP ngày 12/5/2014 của Chính phủ và Nghị định số 87/2014/NĐ-CP ngày 22/9/2014 của Chính phủ quy định về thu hút cá nhân hoạt động KH&amp;CN là người Việt Nam ở nước ngoài và chuyên gia nước ngoài tham gia hoạt động KH&amp;CN tại Việt Nam.</li> </ul> |

| STT | Mã số TTHC | Tên thủ tục hành chính                                                                                                           | Thời hạn giải quyết                                                                                                                                                                                                                                                                                           | Địa điểm thực hiện                                                                                                                                           | Phí/lệ phí (nếu có) | Căn cứ pháp lý                                                                                                                                                                                                                                                  |
|-----|------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|     |            |                                                                                                                                  | và bổ nhiệm vào chức danh nghiên cứu viên chính, kỹ sư chính (hạng II);<br>+ Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được kết quả của Hội đồng kiểm tra, sát hạch đối với xét tiếp nhận vào viên chức và bổ nhiệm vào chức danh trợ lý nghiên cứu, kỹ thuật viên (hạng IV), nghiên cứu viên, kỹ sư (hạng III). |                                                                                                                                                              |                     |                                                                                                                                                                                                                                                                 |
| 15. | 1.008379   | Xét đặc cách bổ nhiệm vào chức danh khoa học, chức danh công nghệ cao hơn không qua thi thăng hạng, không phụ thuộc năm công tác | * Thời hạn thành lập Hội đồng xét bổ nhiệm đặc cách: Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ từ Sở KH&CN hoặc Trung tâm hành chính công của tỉnh đối với trường hợp xét đặc cách bổ nhiệm chức danh nghiên cứu viên, kỹ sư (chức danh hạng III)                                                     | - Nộp hồ sơ trực tiếp tại Trung tâm phục vụ hành chính công<br>- Gửi hồ sơ qua dịch vụ bưu chính.<br>- Nộp trực tuyến qua Hệ thống thông tin giải quyết TTHC | Không               | -Luật Khoa học và Công nghệ 2013<br>- Nghị định số 40/2014/NĐ-CP ngày 12/5/2014 của Chính phủ quy định việc sử dụng, trọng dụng cá nhân hoạt động KH&CN<br>- Nghị định số 27/2020/NĐ-CP ngày 01/3/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định |

| STT | Mã số TTHC | Tên thủ tục hành chính | Thời hạn giải quyết                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | Địa điểm thực hiện | Phí/lệ phí (nếu có) | Căn cứ pháp lý                                                                                                                                                                                                                                      |
|-----|------------|------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------|---------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|     |            |                        | <p>* Thời hạn Quyết định bổ nhiệm đặc cách vào hạng chức danh nghiên cứu khoa học, chức danh công nghệ:</p> <p>- Trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày nhận được kết quả của Hội đồng xét bổ nhiệm đặc cách đối với việc xét đặc cách bổ nhiệm chức danh nghiên cứu viên cao cấp, kỹ sư cao cấp (chức danh hạng I);</p> <p>- Trong thời hạn 45 ngày kể từ ngày nhận được kết quả của Hội đồng xét bổ nhiệm đặc cách đối với việc xét đặc cách bổ nhiệm chức danh nghiên cứu viên chính, kỹ sư chính (chức danh hạng II);</p> <p>- Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được kết</p> |                    |                     | số 40/2014/NĐ-CP ngày 12/5/2014 của Chính phủ và Nghị định số 87/2014/NĐ-CP ngày 22/9/2014 của Chính phủ quy định về thu hút cá nhân hoạt động KH&CN là người Việt Nam ở nước ngoài và chuyên gia nước ngoài tham gia hoạt động KH&CN tại Việt Nam. |

| STT | Mã số TTHC | Tên thủ tục hành chính                                                                                                                                                                                              | Thời hạn giải quyết                                                                                                              | Địa điểm thực hiện                                                                                                                                        | Phí/lệ phí (nếu có)     | Căn cứ pháp lý                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           |
|-----|------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|     |            |                                                                                                                                                                                                                     | quả của Hội đồng xét bổ nhiệm đặc cách đối với việc xét đặc cách bổ nhiệm chức danh nghiên cứu viên, kỹ sư (chức danh hạng III). |                                                                                                                                                           |                         |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          |
| 16. | 2.002144   | Đánh giá đồng thời thẩm định kết quả thực hiện nhiệm vụ KH&CN không sử dụng ngân sách nhà nước mà có tiềm ẩn yếu tố ảnh hưởng đến lợi ích quốc gia, quốc phòng, an ninh, môi trường, tính mạng, sức khỏe con người. | 45 ngày làm việc làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ.                                                             | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nộp hồ sơ trực tiếp tại Trung tâm phục vụ hành chính công</li> <li>- Gửi hồ sơ qua dịch vụ bưu chính.</li> </ul> | Theo quy định hiện hành | <ul style="list-style-type: none"> <li>-Luật Khoa học và Công nghệ 2013</li> <li>- Nghị định số 08/2014/NĐ-CP ngày 27/01/2014 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật KH&amp;CN</li> <li>- Thông tư số 02/2015/TT-BKHCN ngày 06/3/2015 của Bộ KH&amp;CN quy định việc đánh giá và thẩm định kết quả thực hiện nhiệm vụ không sử dụng NSNN.</li> </ul> |

| STT | Mã số TTHC | Tên thủ tục hành chính                                      | Thời hạn giải quyết                                 | Địa điểm thực hiện                                                                                                                                        | Phí/lệ phí (nếu có) | Căn cứ pháp lý                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        |
|-----|------------|-------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 17. | 1.001770   | Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của tổ chức KH&CN | 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ. | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nộp hồ sơ trực tiếp tại Trung tâm phục vụ hành chính công</li> <li>- Gửi hồ sơ qua dịch vụ bưu chính.</li> </ul> | 1.000.000 đồng.     | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Khoa học và Công nghệ 2013</li> <li>- Nghị định số 08/2014/NĐ-CP ngày 27/01/2014 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật KH&amp;CN</li> <li>- Thông tư số 03/2014/TT-BKHCN ngày 31/3/2014 của Bộ trưởng Bộ KH&amp;CN hướng dẫn điều kiện thành lập và đăng ký hoạt động của tổ chức KH&amp;CN, văn phòng đại diện, chi nhánh của tổ chức KH&amp;CN</li> <li>- Thông tư số 298/2016/TT-BTC ngày 15/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định điều kiện hoạt động về KH&amp;CN</li> </ul> |

| STT | Mã số TTHC | Tên thủ tục hành chính                                                                         | Thời hạn giải quyết | Địa điểm thực hiện                                                                                                                                        | Phí/lệ phí (nếu có)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | Căn cứ pháp lý                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               |
|-----|------------|------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 18. | 1.001747   | Thay đổi, bổ sung nội dung Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của tổ chức khoa học và công nghệ | 10 ngày làm việc    | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nộp hồ sơ trực tiếp tại Trung tâm phục vụ hành chính công</li> <li>- Gửi hồ sơ qua dịch vụ bưu chính.</li> </ul> | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đối với Thủ tục cấp Giấy chứng nhận trong trường hợp đăng ký thay đổi tên của tổ chức KH&amp;CN: 1.000.000 Đồng.</li> <li>- Đối với Thủ tục cấp Giấy chứng nhận trong trường hợp đăng ký thay đổi tên cơ quan quyết định thành lập hoặc cơ quan quản lý trực tiếp của tổ chức KH&amp;CN: 1.000.000 Đồng.</li> </ul> | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Khoa học và Công nghệ ngày 18/6/2013.</li> <li>- Nghị định số 08/2014/NĐ-CP ngày 27/01/2014 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Khoa học và Công nghệ.</li> <li>- Thông tư số 03/2014/TT-BKH&amp;CN ngày 31/3/2014 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn điều kiện thành lập và đăng ký hoạt động của tổ chức khoa học và công nghệ, văn phòng đại diện, chi nhánh của tổ chức khoa học và công nghệ.</li> <li>- Thông tư số 298/2016/TT-BTC ngày 15/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định điều kiện hoạt động về khoa học, công</li> </ul> |

| STT | Mã số TTHC | Tên thủ tục hành chính | Thời hạn giải quyết | Địa điểm thực hiện | Phí/lệ phí (nếu có)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | Căn cứ pháp lý                                                                                                                                                                               |
|-----|------------|------------------------|---------------------|--------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|     |            |                        |                     |                    | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đối với Thủ tục cấp Giấy chứng nhận trong trường hợp đăng ký thay đổi địa chỉ trụ sở chính của tổ chức KH&amp;CN: 1.500.000 Đồng.</li> <li>- Đối với Thủ tục cấp Giấy chứng nhận trong trường hợp đăng ký thay đổi vốn của tổ chức KH&amp;CN: 1.500.000 Đồng.</li> <li>- Đối với Thủ tục cấp Giấy chứng nhận</li> </ul> | nghệ.<br>- Thông tư số 15/2023/TT-BKHCN ngày 26/7/2023 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 32/2011/TT-BKHCN và Thông tư số 03/2014/TT-BKHCN. |

| STT | Mã số<br>TTHC | Tên thủ tục<br>hành chính | Thời hạn giải quyết | Địa điểm thực<br>hiện | Phí/lệ phí<br>(nếu có)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | Căn cứ pháp lý |
|-----|---------------|---------------------------|---------------------|-----------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------|
|     |               |                           |                     |                       | <p>trong trường<br/>hợp đăng ký<br/>thay đổi người<br/>đứng đầu của<br/>tổ chức<br/>KH&amp;CN:<br/>1.000.000<br/>Đồng.</p> <p>- Đối với Thủ<br/>tục cấp Giấy<br/>chứng nhận<br/>trong trường<br/>hợp đăng ký<br/>thay đổi, bổ<br/>sung lĩnh vực<br/>hoạt động<br/>KH&amp;CN của<br/>tổ chức<br/>KH&amp;CN:<br/>2.000.000<br/>Đồng.</p> |                |



| STT | Mã số TTHC | Tên thủ tục hành chính                                                                | Thời hạn giải quyết                              | Địa điểm thực hiện                                                                                                                                        | Phí/lệ phí (nếu có) | Căn cứ pháp lý                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         |
|-----|------------|---------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 19. | 1.001693   | Cấp lại Giấy chứng nhận hoạt động cho văn phòng đại diện, chi nhánh của tổ chức KH&CN | 10 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ. | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nộp hồ sơ trực tiếp tại Trung tâm phục vụ hành chính công</li> <li>- Gửi hồ sơ qua dịch vụ bưu chính.</li> </ul> | 1.000.000 đồng.     | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Khoa học và Công nghệ 2013.</li> <li>- Nghị định số 08/2014/NĐ-CP ngày 27/01/2014 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật KH&amp;CN</li> <li>- Thông tư số 03/2014/TT-BKHCN ngày 31/3/2014 của Bộ trưởng Bộ KH&amp;CN hướng dẫn điều kiện thành lập và đăng ký hoạt động của tổ chức KH&amp;CN, văn phòng đại diện, chi nhánh của tổ chức KH&amp;CN</li> <li>- Thông tư số 298/2016/TT-BTC ngày 15/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định điều kiện hoạt động về KH&amp;CN</li> </ul> |

| STT | Mã số TTHC | Tên thủ tục hành chính                                                                                                   | Thời hạn giải quyết | Địa điểm thực hiện                                                                                                                                        | Phí/lệ phí (nếu có)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | Căn cứ pháp lý                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          |
|-----|------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 20. | 1.001677   | Thay đổi, bổ sung nội dung Giấy chứng nhận hoạt động cho văn phòng đại diện, chi nhánh của tổ chức khoa học và công nghệ | 10 ngày làm việc    | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nộp hồ sơ trực tiếp tại Trung tâm phục vụ hành chính công</li> <li>- Gửi hồ sơ qua dịch vụ bưu chính.</li> </ul> | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đối với trường hợp đăng ký thay đổi tên văn phòng đại diện, chi nhánh: 1.000.000 đồng.</li> <li>- Đối với trường hợp đăng ký thay đổi địa chỉ trụ sở văn phòng đại diện, chi nhánh: 1.500.000 đồng.</li> <li>- Đối với trường hợp đăng ký thay đổi người đứng đầu văn phòng đại</li> </ul> | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Khoa học và Công nghệ ngày 18/6/2013.</li> <li>- Nghị định số 08/2014/NĐ-CP ngày 27/01/2014 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Khoa học và Công nghệ.</li> <li>- Thông tư số 03/2014/TT-BKHCN ngày 31/3/2014 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn điều kiện thành lập và đăng ký hoạt động của tổ chức khoa học và công nghệ, văn phòng đại diện, chi nhánh của tổ chức khoa học và công nghệ.</li> <li>- Thông tư số 298/2016/TT-BTC ngày 15/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định điều kiện hoạt động về khoa học, công</li> </ul> |

| STT | Mã số TTHC | Tên thủ tục hành chính | Thời hạn giải quyết | Địa điểm thực hiện | Phí/lệ phí (nếu có)                                                                                                                                                                                                                                                                                            | Căn cứ pháp lý                                                                                                                                                                                          |
|-----|------------|------------------------|---------------------|--------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|     |            |                        |                     |                    | <p>diện, chi nhánh: 1.000.000 đồng.</p> <p>- Đối với trường hợp đăng ký thay đổi thông tin của tổ chức khoa học công nghệ ghi trên giấy chứng nhận hoạt động văn phòng đại diện, chi nhánh: 1.000.000 đồng.</p> <p>- Đối với trường hợp đăng ký thay đổi, bổ sung lĩnh vực hoạt động khoa học và công nghệ</p> | <p>nghệ.</p> <p>- Thông tư số 15/2023/TT-BKHCN ngày 26/7/2023 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 32/2011/TT-BKHCN và Thông tư số 03/2014/TT-BKHCN.</p> |

| STT | Mã số TTHC | Tên thủ tục hành chính                                             | Thời hạn giải quyết                                                      | Địa điểm thực hiện                                                                                                                                                                                                         | Phí/lệ phí (nếu có)                                   | Căn cứ pháp lý                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 |
|-----|------------|--------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|     |            |                                                                    |                                                                          |                                                                                                                                                                                                                            | của văn phòng đại diện, chi nhánh:<br>2.000.000 đồng. |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                |
| 21. | 2.002544   | Cấp giấy chứng nhận chuyển giao công nghệ khuyến khích chuyển giao | 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ theo quy định | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nộp hồ sơ trực tiếp tại Trung tâm phục vụ hành chính công</li> <li>- Gửi hồ sơ qua dịch vụ bưu chính.</li> <li>- Nộp trực tuyến qua Hệ thống thông tin giải quyết TTHC</li> </ul> | Không                                                 | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Đầu tư ngày 17/6/2020;</li> <li>- Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư;</li> <li>- Quyết định số 12/2023/QĐ-TTg ngày 15/05/2023 của Thủ tướng Chính phủ về cấp Giấy chứng nhận chuyển giao công nghệ khuyến khích chuyển giao.</li> </ul> |

| STT | Mã số TTHC | Tên thủ tục hành chính                                                          | Thời hạn giải quyết                                                                                                                                                                                                                                                                                          | Địa điểm thực hiện                                                                                                                                                                                                         | Phí/lệ phí (nếu có) | Căn cứ pháp lý                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 |
|-----|------------|---------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 22. | 2.002546   | Sửa đổi, bổ sung giấy chứng nhận chuyên giao công nghệ khuyến khích chuyển giao | <ul style="list-style-type: none"> <li>- 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ theo quy định.</li> <li>- 15 ngày làm việc đối với trường hợp nội dung chuyển giao công nghệ có thay đổi công nghệ, sản phẩm công nghệ hoặc quy mô sản lượng, tiêu chuẩn chất lượng sản phẩm.</li> </ul> | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nộp hồ sơ trực tiếp tại Trung tâm phục vụ hành chính công</li> <li>- Gửi hồ sơ qua dịch vụ bưu chính.</li> <li>- Nộp trực tuyến qua Hệ thống thông tin giải quyết TTHC</li> </ul> | Không               | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Đầu tư ngày 17/6/2020;</li> <li>- Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư;</li> <li>- Quyết định số 12/2023/QĐ-TTg ngày 15/05/2023 của Thủ tướng Chính phủ về cấp Giấy chứng nhận chuyên giao công nghệ khuyến khích chuyển giao.</li> </ul> |
| 23. | 2.002548   | Cấp lại giấy chứng nhận chuyên giao công nghệ khuyến khích chuyển giao          | 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ theo quy định.                                                                                                                                                                                                                                    | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nộp hồ sơ trực tiếp tại Trung tâm phục vụ hành chính công</li> <li>- Gửi hồ sơ qua dịch vụ bưu chính.</li> <li>- Nộp trực tuyến qua Hệ thống thông tin giải</li> </ul>            | Không               | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Đầu tư ngày 17/6/2020;</li> <li>- Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư;</li> <li>- Quyết định số 12/2023/QĐ-TTg ngày 15/05/2023 của Thủ tướng</li> </ul>                                                                                  |

| STT | Mã số TTHC | Tên thủ tục hành chính                                                                                                                                                                                                                                                      | Thời hạn giải quyết                              | Địa điểm thực hiện                                                                                                                                                                                                         | Phí/lệ phí (nếu có) | Căn cứ pháp lý                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |
|-----|------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|     |            |                                                                                                                                                                                                                                                                             |                                                  | quyết TTHC                                                                                                                                                                                                                 |                     | Chính phủ về cấp Giấy chứng nhận chuyển giao công nghệ khuyến khích chuyển giao.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  |
| 24. | 1.011818   | Đăng ký kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh, cấp cơ sở sử dụng ngân sách nhà nước và nhiệm vụ khoa học và công nghệ do quỹ của Nhà nước trong lĩnh vực khoa học và công nghệ tài trợ thuộc phạm vi quản lý của tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương. | 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nộp hồ sơ trực tiếp tại Trung tâm phục vụ hành chính công</li> <li>- Gửi hồ sơ qua dịch vụ bưu chính.</li> <li>- Nộp trực tuyến qua Hệ thống thông tin giải quyết TTHC</li> </ul> | Không               | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Khoa học và Công nghệ năm 2013.</li> <li>- Nghị định số 11/2014/NĐ-CP ngày 18/02/2014 của Chính phủ về hoạt động thông tin khoa học và công nghệ.</li> <li>- Thông tư số 14/2014/TT-BKHCN ngày 11/6/2014 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định về việc thu thập, đăng ký, lưu giữ và công bố thông tin về nhiệm vụ khoa học và công nghệ.</li> <li>- Thông tư số 11/2023/TT-BKHCN của Bộ KH&amp;CN về việc Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 14/2014/TT-BKHCN ngày 11 tháng 6 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và</li> </ul> |

| STT | Mã số TTHC | Tên thủ tục hành chính                                                                     | Thời hạn giải quyết                              | Địa điểm thực hiện                                                                                                                                                                                                         | Phí/lệ phí (nếu có) | Căn cứ pháp lý                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          |
|-----|------------|--------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|     |            |                                                                                            |                                                  |                                                                                                                                                                                                                            |                     | Công nghệ quy định thu thập, đăng ký, lưu giữ và công bố thông tin về nhiệm vụ khoa học và công nghệ và Thông tư số 10/2017/TT-BKHCN ngày 28 tháng 6 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định về xây dựng, quản lý, khai thác, sử dụng, duy trì và phát triển Cơ sở dữ liệu quốc gia về khoa học và công nghệ                           |
| 25. | 1.011820   | Đăng ký kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ không sử dụng ngân sách nhà nước. | 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nộp hồ sơ trực tiếp tại Trung tâm phục vụ hành chính công</li> <li>- Gửi hồ sơ qua dịch vụ bưu chính.</li> <li>- Nộp trực tuyến qua Hệ thống thông tin giải quyết TTHC</li> </ul> | Không               | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Khoa học và Công nghệ năm 2013.</li> <li>- Nghị định số 11/2014/NĐ-CP ngày 18/02/2014 của Chính phủ về hoạt động thông tin khoa học và công nghệ.</li> <li>- Thông tư số 14/2014/TT-BKHCN ngày 11/6/2014 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định về việc thu thập, đăng ký, lưu giữ và</li> </ul> |

| STT | Mã số TTHC | Tên thủ tục hành chính | Thời hạn giải quyết | Địa điểm thực hiện | Phí/lệ phí (nếu có) | Căn cứ pháp lý                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      |
|-----|------------|------------------------|---------------------|--------------------|---------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|     |            |                        |                     |                    |                     | <p>công bố thông tin về nhiệm vụ khoa học và công nghệ.</p> <p>- Thông tư số 11/2023/TT-BKHCN ngày 26/6/2023 của Bộ KH&amp;Cn sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 14/2014/TT-BKHCN ngày 11 tháng 6 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định thu thập, đăng ký, lưu giữ và công bố thông tin về nhiệm vụ khoa học và công nghệ và Thông tư số 10/2017/TT-BKHCN ngày 28 tháng 6 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định về xây dựng, quản lý, khai thác, sử dụng, duy trì và phát triển Cơ sở dữ liệu quốc gia về khoa học và công nghệ</p> |



| STT | Mã số TTHC | Tên thủ tục hành chính                                                                                                                                                  | Thời hạn giải quyết | Địa điểm thực hiện                                                                                                                                                                                                         | Phí/lệ phí (nếu có) | Căn cứ pháp lý                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 |
|-----|------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 26. | 1.011819   | Đăng ký thông tin kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ được mua bằng ngân sách nhà nước thuộc phạm vi quản lý của tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương. | Không quy định      | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nộp hồ sơ trực tiếp tại Trung tâm phục vụ hành chính công</li> <li>- Gửi hồ sơ qua dịch vụ bưu chính.</li> <li>- Nộp trực tuyến qua Hệ thống thông tin giải quyết TTHC</li> </ul> | Không               | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Khoa học và Công nghệ năm 2013.</li> <li>- Nghị định số 11/2014/NĐ-CP ngày 18/02/2014 của Chính phủ về hoạt động thông tin khoa học và công nghệ.</li> <li>- Thông tư số 14/2014/TT-BKHCN ngày 11/6/2014 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định về việc thu thập, đăng ký, lưu giữ và công bố thông tin về nhiệm vụ khoa học và công nghệ.</li> <li>- Thông tư số 11/2023/TT-BKHCN ngày 26/6/2023 của Bộ KH&amp;Cn sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 14/2014/TT-BKHCN ngày 11 tháng 6 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định thu thập, đăng ký, lưu giữ và công bố thông tin về</li> </ul> |

| STT | Mã số TTHC | Tên thủ tục hành chính                                                                                  | Thời hạn giải quyết                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | Địa điểm thực hiện                                                                                                                                        | Phí/lệ phí (nếu có) | Căn cứ pháp lý                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      |
|-----|------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|     |            |                                                                                                         |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               |                                                                                                                                                           |                     | nhiệm vụ khoa học và công nghệ và Thông tư số 10/2017/TT-BKHCN ngày 28 tháng 6 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định về xây dựng, quản lý, khai thác, sử dụng, duy trì và phát triển Cơ sở dữ liệu quốc gia về khoa học và công nghệ                                                                                                                                                             |
| 27. | 1.011812   | Công nhận kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ do tổ chức, cá nhân tự đầu tư nghiên cứu. | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Gửi thông báo cho tổ chức, cá nhân về kết quả xem xét hồ sơ và yêu cầu sửa đổi, bổ sung (nếu có): 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ.</li> <li>-Thực hiện việc đánh giá hồ sơ thông qua hội đồng đánh giá: 15 ngày làm việc.</li> <li>- Công nhận kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ do tổ chức, cá nhân tự đầu</li> </ul> | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nộp hồ sơ trực tiếp tại Trung tâm phục vụ hành chính công</li> <li>- Gửi hồ sơ qua dịch vụ bưu chính.</li> </ul> | Không               | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Chuyển giao công nghệ số 07/2017/QH14 ngày 19/6/2017.</li> <li>- Nghị định số 76/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chuyển giao công nghệ.</li> <li>- Thông tư số 14/2023/TT-BKHCN ngày 30/6/2023 của Bộ KH&amp;CN ban hành biểu mẫu hồ sơ thực hiện thủ tục hành chính quy định tại một</li> </ul> |

| STT | Mã số TTHC | Tên thủ tục hành chính                                                                                             | Thời hạn giải quyết                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | Địa điểm thực hiện                                                                                                                                        | Phí/lệ phí (nếu có) | Căn cứ pháp lý                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             |
|-----|------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|     |            |                                                                                                                    | tư nghiên cứu: 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được kết quả đánh giá hồ sơ của hội đồng.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |                                                                                                                                                           |                     | số điều của Nghị định số 76/2018/NĐ-CP                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     |
| 28. | 1.011814   | Hỗ trợ kinh phí, mua kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ do tổ chức, cá nhân tự đầu tư nghiên cứu. | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Gửi thông báo cho tổ chức, cá nhân về kết quả xem xét hồ sơ và yêu cầu sửa đổi, bổ sung (nếu có): 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ.</li> <li>- Thực hiện việc đánh giá hồ sơ thông qua hội đồng đánh giá: 15 ngày làm việc.</li> <li>- Văn bản thông báo kết quả đánh giá hồ sơ đề nghị hỗ trợ kinh phí, mua kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ: 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được kết quả đánh giá hồ sơ của hội đồng.</li> </ul> | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nộp hồ sơ trực tiếp tại Trung tâm phục vụ hành chính công</li> <li>- Gửi hồ sơ qua dịch vụ bưu chính.</li> </ul> | Không               | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Chuyển giao công nghệ số 07/2017/QH14 ngày 19/6/2017.</li> <li>- Nghị định số 76/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chuyển giao công nghệ.</li> <li>- Thông tư số 14/2023/TT-BKHCN ngày 30/6/2023 của Bộ KH&amp;CN ban hành biểu mẫu hồ sơ thực hiện thủ tục hành chính quy định tại một số điều của Nghị định số 76/2018/NĐ-CP</li> </ul> |

| STT | Mã số TTHC | Tên thủ tục hành chính                                                                | Thời hạn giải quyết                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | Địa điểm thực hiện                                                                                                                                        | Phí/lệ phí (nếu có) | Căn cứ pháp lý                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  |
|-----|------------|---------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 29. | 1.011815   | Mua sáng chế, sáng kiến.                                                              | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Gửi thông báo cho tổ chức, cá nhân về kết quả xem xét hồ sơ và yêu cầu sửa đổi, bổ sung (nếu có): 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ.</li> <li>- Đánh giá hồ sơ thông qua hội đồng đánh giá: 15 ngày làm việc.</li> <li>- Văn bản thông báo kết quả đánh giá hồ sơ đề nghị mua sáng chế, sáng kiến: 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được kết quả đánh giá hồ sơ của hội đồng.</li> </ul> | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nộp hồ sơ trực tiếp tại Trung tâm phục vụ hành chính công</li> <li>- Gửi hồ sơ qua dịch vụ bưu chính.</li> </ul> | Không               | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Chuyển giao công nghệ số 07/2017/QH14 ngày 19/6/2017.</li> <li>- Nghị định số 76/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chuyển giao công nghệ.</li> <li>- Thông tư số 14/2023/TT-BKH&amp;CN ngày 30/6/2023 của Bộ KH&amp;CN ban hành biểu mẫu hồ sơ thực hiện thủ tục hành chính quy định tại một số điều của Nghị định số 76/2018/NĐ-CP</li> </ul> |
| 30. | 1.011816   | Hỗ trợ kinh phí hoặc mua công nghệ được tổ chức, cá nhân trong nước tạo ra từ kết quả | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Gửi thông báo cho tổ chức, cá nhân về kết quả xem xét hồ sơ và yêu cầu sửa đổi, bổ sung (nếu có): 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ.</li> <li>- Thực hiện việc đánh giá</li> </ul>                                                                                                                                                                                                       | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nộp hồ sơ trực tiếp tại Trung tâm phục vụ hành chính công</li> <li>- Gửi hồ sơ qua dịch vụ bưu chính</li> </ul>  | Không               | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Chuyển giao công nghệ số 07/2017/QH14 ngày 19/6/2017.</li> <li>- Nghị định số 76/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                   |

| STT | Mã số TTHC | Tên thủ tục hành chính                                                                                                      | Thời hạn giải quyết                                                                                                                                                                                                                                             | Địa điểm thực hiện                                                                                                                                           | Phí/lệ phí (nếu có) | Căn cứ pháp lý                                                                                                                                                                                                                                                                                                      |
|-----|------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|     |            | nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ để sản xuất sản phẩm quốc gia, trọng điểm, chủ lực.                             | hồ sơ thông qua hội đồng đánh giá: 15 ngày làm việc.<br>- Văn bản thông báo kết quả đánh giá hồ sơ đề nghị hỗ trợ kinh phí, mua kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ: 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được kết quả đánh giá hồ sơ của hội đồng. |                                                                                                                                                              |                     | số điều của Luật Chuyển giao công nghệ.<br>- Thông tư số 14/2023/TT-BKHCN ngày 30/6/2023 của Bộ KH&CN ban hành biểu mẫu hồ sơ thực hiện thủ tục hành chính quy định tại một số điều của Nghị định số 76/2018/NĐ-CP                                                                                                  |
| 31. | 1.012353   | Xác định dự án đầu tư có hoặc không sử dụng công nghệ lạc hậu, tiềm ẩn nguy cơ gây ô nhiễm môi trường, thâm dụng tài nguyên | - Trong thời hạn 23 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ theo quy định.<br>- Đối với dự án đầu tư có quy mô lớn, công nghệ phức tạp, thời hạn giải quyết có thể kéo dài thêm 20 ngày.                                                        | - Nộp hồ sơ trực tiếp tại Trung tâm phục vụ hành chính công<br>- Gửi hồ sơ qua dịch vụ bưu chính.<br>- Nộp trực tuyến qua Hệ thống thông tin giải quyết TTHC | Không               | - Luật Đầu tư ngày 17/6/2020;<br>- Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư;<br>- Quyết định số 29/2023/QĐ-TTg ngày 19 tháng 12 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ quy định hồ sơ, trình tự, thủ tục xác định dự án đầu tư sử dụng |

| STT | Mã số TTHC | Tên thủ tục hành chính                                                                                            | Thời hạn giải quyết                                   | Địa điểm thực hiện                                                                                                                                                                                                         | Phí/lệ phí (nếu có) | Căn cứ pháp lý                                                                                                                                                                                                                                                                                                |
|-----|------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|     |            |                                                                                                                   |                                                       |                                                                                                                                                                                                                            |                     | công nghệ lạc hậu, tiềm ẩn nguy cơ gây ô nhiễm môi trường, thâm dụng tài nguyên                                                                                                                                                                                                                               |
| 32. | 3.000259   | Đặt và tặng giải thưởng về khoa học và công nghệ của tổ chức, cá nhân cư trú hoặc hoạt động hợp pháp tại Việt Nam | Trong 25 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định. | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nộp hồ sơ trực tiếp tại Trung tâm phục vụ hành chính công</li> <li>- Gửi hồ sơ qua dịch vụ bưu chính.</li> <li>- Nộp trực tuyến qua Hệ thống thông tin giải quyết TTHC</li> </ul> | Không               | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Thi đua, khen thưởng số 06/2022/QH15 ngày 15/6/2022;</li> <li>- Nghị định số 18/2024/NĐ-CP ngày 21 tháng 02 năm 2024 của Chính phủ về Giải thưởng Hồ Chí Minh, Giải thưởng Nhà nước và các giải thưởng khác về khoa học và công nghệ</li> </ul>                 |
| 33. | 2.002709   | Xác định nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh sử dụng ngân sách nhà nước                                                       | Không quy định                                        | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nộp hồ sơ trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh;</li> <li>- Gửi hồ sơ qua dịch vụ bưu chính.</li> <li>- Nộp trực tuyến trên Hệ thống</li> </ul>                    | Không               | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật khoa học và công nghệ ngày 18 tháng 6 năm 2013.</li> <li>- Nghị định số 08/2014/NĐ-CP ngày 27 tháng 01 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật khoa học và công nghệ.</li> <li>- Thông tư số 09/2024/TT-</li> </ul> |

| STT | Mã số TTHC | Tên thủ tục hành chính                                                                         | Thời hạn giải quyết                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | Địa điểm thực hiện                                                                                                                                                                                                                     | Phí/lệ phí (nếu có) | Căn cứ pháp lý                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      |
|-----|------------|------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|     |            |                                                                                                |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | thông tin giải quyết TTHC tỉnh                                                                                                                                                                                                         |                     | BKHCN ngày 27 tháng 12 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh, cấp cơ sở sử dụng ngân sách nhà nước.                                                                                                                                                                                                                                                                                                              |
| 34. | 2.002710   | Đăng ký tham gia tuyển chọn nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh sử dụng ngân sách nhà nước | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kết thúc thời hạn nhận hồ sơ đăng ký tuyển chọn trong thời hạn 10 ngày làm việc, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hoặc cơ quan, đơn vị được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phân cấp/ủy quyền tiến hành mở, kiểm tra và xác nhận tính hợp lệ của hồ sơ đăng ký tuyển chọn.</li> <li>- Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày có kết quả họp Hội đồng tuyển chọn, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hoặc cơ quan, đơn vị được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phân cấp/ủy</li> </ul> | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nộp hồ sơ trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh;</li> <li>- Gửi hồ sơ qua dịch vụ bưu chính.</li> <li>- Nộp trực tuyến trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh</li> </ul> | Không               | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật khoa học và công nghệ ngày 18 tháng 6 năm 2013.</li> <li>- Nghị định số 08/2014/NĐ-CP ngày 27 tháng 01 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật khoa học và công nghệ.</li> <li>- Thông tư số 09/2024/TT-BKHCN ngày 27 tháng 12 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh, cấp cơ sở sử dụng ngân sách nhà nước.</li> </ul> |

| STT | Mã số TTHC | Tên thủ tục hành chính | Thời hạn giải quyết                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | Địa điểm thực hiện | Phí/lệ phí (nếu có) | Căn cứ pháp lý |
|-----|------------|------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------|---------------------|----------------|
|     |            |                        | <p>quyền xem xét, thông báo kết quả tuyển chọn.</p> <p>- Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày có thông báo kết quả tuyển chọn, tổ chức chủ trì và chủ nhiệm nhiệm vụ trúng tuyển có trách nhiệm hoàn thiện thuyết minh nhiệm vụ theo kết luận của Hội đồng tuyển chọn, báo cáo tiếp thu, giải trình các ý kiến kết luận của Hội đồng tuyển chọn và nộp tài liệu quy định tại điểm d khoản 1 Điều 15 Thông tư số 09/2024/TT-BKHCHN và các tài liệu liên quan khác gửi về Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hoặc cơ quan, đơn vị được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phân cấp/ủy quyền để tổ chức thẩm định kinh phí.</p> <p>- Sau khi nhận được hồ</p> |                    |                     |                |



| STT | Mã số TTHC | Tên thủ tục hành chính | Thời hạn giải quyết                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | Địa điểm thực hiện | Phí/lệ phí (nếu có) | Căn cứ pháp lý |
|-----|------------|------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------|---------------------|----------------|
|     |            |                        | <p>sơ đã hoàn thiện theo kết luận của Tổ thẩm định kinh phí và ý kiến của chuyên gia tư vấn độc lập (nếu có), Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hoặc cơ quan, đơn vị được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phân cấp/ủy quyền xem xét, ký Quyết định phê duyệt tổ chức chủ trì, chủ nhiệm nhiệm vụ, kinh phí, phương thức khoán chi và thời gian thực hiện nhiệm vụ.</p> <p>- Trong thời hạn 15 ngày kể từ khi có quyết định phê duyệt, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hoặc cơ quan, đơn vị được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phân cấp/ủy quyền có trách nhiệm thông báo công khai kết quả tuyển chọn và đăng tải ít nhất 45 ngày trên cổng thông</p> |                    |                     |                |

| STT | Mã số TTHC | Tên thủ tục hành chính                                            | Thời hạn giải quyết                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | Địa điểm thực hiện                                                                                                                                                                      | Phí/lệ phí (nếu có) | Căn cứ pháp lý                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       |
|-----|------------|-------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|     |            |                                                                   | tin điện tử của cơ quan, đơn vị mình hoặc phương tiện thông tin đại chúng khác                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       |                                                                                                                                                                                         |                     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      |
| 35. | 2.002711   | Đánh giá, nghiệm thu nhiệm vụ cấp tỉnh sử dụng ngân sách nhà nước | <p>- Sau khi nhận được hồ sơ đề nghị đánh giá, nghiệm thu của tổ chức chủ trì nhiệm vụ Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hoặc cơ quan, đơn vị được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phân cấp/ủy quyền tiến hành kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ;</p> <p>- Đối với các hồ sơ không đầy đủ, không hợp lệ, trong thời gian 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hoặc cơ quan, đơn vị được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phân cấp/ủy quyền thông báo bằng văn bản để tổ chức chủ trì, chủ nhiệm</p> | <p>- Nộp hồ sơ trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh;</p> <p>- Gửi hồ sơ qua dịch vụ bưu chính.</p> <p>- Nộp trực tuyến trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh</p> | Không               | <p>- Luật khoa học và công nghệ ngày 18 tháng 6 năm 2013.</p> <p>- Nghị định số 08/2014/NĐ-CP ngày 27 tháng 01 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật khoa học và công nghệ.</p> <p>- Thông tư số 09/2024/TT-BKHCN ngày 27 tháng 12 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh, cấp cơ sở sử dụng ngân sách nhà nước.</p> |

| STT | Mã số TTHC | Tên thủ tục hành chính | Thời hạn giải quyết                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | Địa điểm thực hiện | Phí/lệ phí (nếu có) | Căn cứ pháp lý |
|-----|------------|------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------|---------------------|----------------|
|     |            |                        | nhiệm vụ bổ sung, hoàn thiện;<br>- Trong thời gian 15 ngày kể khi nhận được thông báo của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hoặc cơ quan, đơn vị được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phân cấp/ủy quyền, tổ chức chủ trì phải bổ sung, hoàn thiện hồ sơ;<br>- Trong thời hạn không quá 30 ngày kể từ khi nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hoặc cơ quan, đơn vị được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phân cấp/ủy quyền phải thành lập Hội đồng tư vấn đánh giá nghiệm thu kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh;<br>- Trường hợp kết quả nhiệm vụ được đánh giá |                    |                     |                |

| STT | Mã số TTHC | Tên thủ tục hành chính | Thời hạn giải quyết                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | Địa điểm thực hiện | Phí/lệ phí (nếu có) | Căn cứ pháp lý |
|-----|------------|------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------|---------------------|----------------|
|     |            |                        | <p>xếp loại ở mức “Đạt” trở lên: Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày họp Hội đồng nghiệm thu, tổ chức chủ trì và chủ nhiệm nhiệm vụ lập báo cáo về việc hoàn thiện hồ sơ đánh giá, nghiệm thu, hoàn thiện báo cáo tổng hợp, báo cáo tóm tắt, các sản phẩm, các tài liệu liên quan theo kết luận của Hội đồng nghiệm thu và nộp về Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hoặc cơ quan, đơn vị được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phân cấp/ủy quyền;</p> <p>- Đối với nhiệm vụ xếp loại ở mức “Không đạt”: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hoặc cơ quan, đơn vị được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phân cấp/ủy quyền chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên</p> |                    |                     |                |

| STT                                                                      | Mã số TTHC | Tên thủ tục hành chính                                                                                       | Thời hạn giải quyết                                                                                                   | Địa điểm thực hiện                                                                                                                                                                                                         | Phí/lệ phí (nếu có)                     | Căn cứ pháp lý                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 |
|--------------------------------------------------------------------------|------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|                                                                          |            |                                                                                                              | quan tiến hành xử lý theo quy định tại Thông tư liên tịch số 27/2015/TTLT-BKHCN-BTC đối với nhiệm vụ không hoàn thành |                                                                                                                                                                                                                            |                                         |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                |
| <b>II LĨNH VỰC NĂNG LƯỢNG NGUYÊN TỬ, AN TOÀN BỨC XẠ VÀ HẠT NHÂN (07)</b> |            |                                                                                                              |                                                                                                                       |                                                                                                                                                                                                                            |                                         |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                |
| 1.                                                                       | 2.002379   | Thủ tục cấp chứng chỉ nhân viên bức xạ (đối với người phụ trách an toàn cơ sở X-quang chẩn đoán trong y tế). | 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ khai báo.                                                                   | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nộp hồ sơ trực tiếp tại Trung tâm phục vụ hành chính công</li> <li>- Gửi hồ sơ qua dịch vụ bưu chính.</li> <li>- Nộp trực tuyến qua Hệ thống thông tin giải quyết TTHC</li> </ul> | Lệ phí:<br>200.000<br>đồng/1 chứng chỉ. | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Năng lượng nguyên tử số 18/2008/QH12 ngày 03/6/2008.</li> <li>- Nghị định số 142/2020/NĐ-CP ngày 09 tháng 12 năm 2020 quy định về việc tiến hành công việc bức xạ và hoạt động dịch vụ hỗ trợ ứng dụng năng lượng nguyên tử.</li> <li>- Thông tư số 287/2016/TT-BTC ngày 15/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực năng lượng nguyên tử.</li> </ul> |

| STT | Mã số TTHC | Tên thủ tục hành chính                                                                           | Thời hạn giải quyết                                              | Địa điểm thực hiện                                                                                                                                                          | Phí/lệ phí (nếu có)                                                                                                                                  | Căn cứ pháp lý                                                                                                                                                                                                                                                                                                               |
|-----|------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|     |            |                                                                                                  |                                                                  |                                                                                                                                                                             |                                                                                                                                                      | <p>- Thông tư số 02/2022/TT-BKHCN ngày 25/2/2022 của Bộ KH&amp;CN hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 142/2020/NĐ-CP.</p> <p>- Thông tư số 13/2023/TT-BKHCN ngày 30/6/2023 của Bộ KH&amp;CN bãi bỏ một số văn bản quy phạm pháp luật do Bộ trưởng Bộ KH&amp;CN ban hành, liên tịch ban hành.</p>                 |
| 2.  | 2.002380   | Thủ tục cấp giấy phép tiến hành công việc bức xạ - Sử dụng thiết bị X-quang chẩn đoán trong y tế | 25 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ và phí, lệ phí. | <p>- Nộp hồ sơ trực tiếp tại Trung tâm phục vụ hành chính công</p> <p>- Gửi hồ sơ qua dịch vụ bưu chính.</p> <p>- Nộp trực tuyến qua Hệ thống thông tin giải quyết TTHC</p> | <p>- Phí thẩm định cấp giấy phép:</p> <p>+ Sử dụng thiết bị X-quang chụp răng: 2.000.000 đồng/1 thiết bị.</p> <p>+ Sử dụng thiết bị X-quang chụp</p> | <p>- Luật Năng lượng nguyên tử số 18/2008/QH12 ngày 03/6/2008.</p> <p>- Nghị định số 142/2020/NĐ-CP ngày 09 tháng 12 năm 2020 quy định về việc tiến hành công việc bức xạ và hoạt động dịch vụ hỗ trợ ứng dụng năng lượng nguyên tử.</p> <p>- Thông tư số 287/2016/TT-BTC ngày 15/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy</p> |

| STT | Mã số TTHC | Tên thủ tục hành chính | Thời hạn giải quyết | Địa điểm thực hiện | Phí/lệ phí (nếu có)                                                                                                                                                                                                                                                                                   | Căn cứ pháp lý                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         |
|-----|------------|------------------------|---------------------|--------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|     |            |                        |                     |                    | <p>vú: 2.000.000 đồng/1 thiết bị.</p> <p>+ Sử dụng thiết bị X-quang di động: 2.000.000 đồng/1 thiết bị.</p> <p>+ Sử dụng thiết bị X-quang chân đoán thông thường: 3.000.000 đồng/ 1 thiết bị.</p> <p>+ Sử dụng thiết bị đo mật độ xương: 3.000.000 đồng/ 1 thiết bị.</p> <p>+ Sử dụng thiết bị X-</p> | <p>định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực năng lượng nguyên tử.</p> <p>- Thông tư số 02/2022/TT-BKHCN ngày 25/2/2022 của Bộ KH&amp;CN hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 142/2020/NĐ-CP.</p> <p>- Thông tư số 13/2023/TT-BKHCN ngày 30/6/2023 của Bộ KH&amp;CN bãi bỏ một số văn bản quy phạm pháp luật do Bộ trưởng Bộ KH&amp;CN ban hành, liên tịch ban hành.</p> |

| STT | Mã số TTHC | Tên thủ tục hành chính | Thời hạn giải quyết | Địa điểm thực hiện | Phí/lệ phí (nếu có)                                                                                                                                                                                                                                                                      | Căn cứ pháp lý |
|-----|------------|------------------------|---------------------|--------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------|
|     |            |                        |                     |                    | <p>quang tăng sáng truyền hình:<br/>5.000.000 đồng/ 1 thiết bị.</p> <p>+ Sử dụng thiết bị X-quang chụp cắt lớp vi tính (CT Scanner):<br/>8.000.000 đồng/ 1 thiết bị.</p> <p>+ Sử dụng hệ thiết bị PET/CT:<br/>16.000.000 đồng/ 1 thiết bị.</p> <p>- Lệ phí cấp giấy phép:<br/>Không.</p> |                |



| STT | Mã số TTHC | Tên thủ tục hành chính                                                                               | Thời hạn giải quyết                                              | Địa điểm thực hiện                                                                                                                                                                                                         | Phí/lệ phí (nếu có)                                                                                                                                           | Căn cứ pháp lý                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |
|-----|------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 3.  | 2.002381   | Thủ tục gia hạn giấy phép tiến hành công việc bức xạ - Sử dụng thiết bị X-quang chẩn đoán trong y tế | 25 ngày kể từ ngày làm việc nhận đủ hồ sơ hợp lệ và phí, lệ phí. | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nộp hồ sơ trực tiếp tại Trung tâm phục vụ hành chính công</li> <li>- Gửi hồ sơ qua dịch vụ bưu chính.</li> <li>- Nộp trực tuyến qua Hệ thống thông tin giải quyết TTHC</li> </ul> | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Phí thẩm định cấp giấy phép: 75% phí thẩm định cấp giấy phép mới.</li> <li>- Lệ phí cấp giấy phép: Không.</li> </ul> | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Năng lượng nguyên tử số 18/2008/QH12 ngày 03/6/2008.</li> <li>- Nghị định số 142/2020/NĐ-CP ngày 09 tháng 12 năm 2020 quy định về việc tiến hành công việc bức xạ và hoạt động dịch vụ hỗ trợ ứng dụng năng lượng nguyên tử.</li> <li>- Thông tư số 287/2016/TT-BTC ngày 15/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực năng lượng nguyên tử.</li> <li>- Thông tư số 02/2022/TT-BKHCN ngày 25/2/2022 của Bộ KH&amp;CN hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 142/2020/NĐ-CP.</li> <li>- Thông tư số 13/2023/TT-BKHCN ngày 30/6/2023 của</li> </ul> |

| STT | Mã số TTHC | Tên thủ tục hành chính                                                                               | Thời hạn giải quyết                              | Địa điểm thực hiện                                                                                                                                                                                                         | Phí/lệ phí (nếu có) | Căn cứ pháp lý                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 |
|-----|------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|     |            |                                                                                                      |                                                  |                                                                                                                                                                                                                            |                     | Bộ KH&CN bãi bỏ một số văn bản quy phạm pháp luật do Bộ trưởng Bộ KH&CN ban hành, liên tịch ban hành.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          |
| 4.  | 2.002382   | Thủ tục sửa đổi giấy phép tiến hành công việc bức xạ - Sử dụng thiết bị X-quang chẩn đoán trong y tế | 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nộp hồ sơ trực tiếp tại Trung tâm phục vụ hành chính công</li> <li>- Gửi hồ sơ qua dịch vụ bưu chính.</li> <li>- Nộp trực tuyến qua Hệ thống thông tin giải quyết TTHC</li> </ul> | Không               | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Năng lượng nguyên tử số 18/2008/QH12 ngày 03/6/2008.</li> <li>- Nghị định số 142/2020/NĐ-CP ngày 09 tháng 12 năm 2020 quy định về việc tiến hành công việc bức xạ và hoạt động dịch vụ hỗ trợ ứng dụng năng lượng nguyên tử.</li> <li>- Thông tư số 287/2016/TT-BTC ngày 15/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực năng lượng nguyên tử.</li> <li>- Thông tư số 02/2022/TT-BKHCN ngày 25/2/2022 của Bộ KH&amp;CN hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị</li> </ul> |

| STT | Mã số TTHC | Tên thủ tục hành chính                                                                               | Thời hạn giải quyết                     | Địa điểm thực hiện                                                                                                                                                          | Phí/lệ phí (nếu có) | Căn cứ pháp lý                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  |
|-----|------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|     |            |                                                                                                      |                                         |                                                                                                                                                                             |                     | <p>định số 142/2020/NĐ-CP.</p> <p>- Thông tư số 13/2023/TT-BKHCN ngày 30/6/2023 của Bộ KH&amp;CN bãi bỏ một số văn bản quy phạm pháp luật do Bộ trưởng Bộ KH&amp;CN ban hành, liên tịch ban hành.</p>                                                                                                                                                                                                                           |
| 5.  | 2.002383   | Thủ tục bổ sung giấy phép tiến hành công việc bức xạ - Sử dụng thiết bị X-quang chẩn đoán trong y tế | 25 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ | <p>- Nộp hồ sơ trực tiếp tại Trung tâm phục vụ hành chính công</p> <p>- Gửi hồ sơ qua dịch vụ bưu chính.</p> <p>- Nộp trực tuyến qua Hệ thống thông tin giải quyết TTHC</p> | Không               | <p>- Luật Năng lượng nguyên tử số 18/2008/QH12 ngày 03/6/2008.</p> <p>- Nghị định số 142/2020/NĐ-CP ngày 09 tháng 12 năm 2020 quy định về việc tiến hành công việc bức xạ và hoạt động dịch vụ hỗ trợ ứng dụng năng lượng nguyên tử.</p> <p>- Thông tư số 287/2016/TT-BTC ngày 15/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực năng lượng nguyên tử.</p> |

| STT | Mã số TTHC | Tên thủ tục hành chính                                                                               | Thời hạn giải quyết                                                       | Địa điểm thực hiện                                                                                                                                                                                                         | Phí/lệ phí (nếu có) | Căn cứ pháp lý                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              |
|-----|------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|     |            |                                                                                                      |                                                                           |                                                                                                                                                                                                                            |                     | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thông tư số 02/2022/TT-BKHCN ngày 25/2/2022 của Bộ KH&amp;CN hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 142/2020/NĐ-CP.</li> <li>- Thông tư số 13/2023/TT-BKHCN ngày 30/6/2023 của Bộ KH&amp;CN bãi bỏ một số văn bản quy phạm pháp luật do Bộ trưởng Bộ KH&amp;CN ban hành, liên tịch ban hành.</li> </ul>                   |
| 6.  | 2.002384   | Thủ tục cấp lại giấy phép tiến hành công việc bức xạ - Sử dụng thiết bị X-quang chẩn đoán trong y tế | 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ và phí, lệ phí (nếu có). | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nộp hồ sơ trực tiếp tại Trung tâm phục vụ hành chính công</li> <li>- Gửi hồ sơ qua dịch vụ bưu chính.</li> <li>- Nộp trực tuyến qua Hệ thống thông tin giải quyết TTHC</li> </ul> | Không               | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Năng lượng nguyên tử số 18/2008/QH12 ngày 03/6/2008.</li> <li>- Nghị định số 142/2020/NĐ-CP ngày 09 tháng 12 năm 2020 quy định về việc tiến hành công việc bức xạ và hoạt động dịch vụ hỗ trợ ứng dụng năng lượng nguyên tử.</li> <li>- Thông tư số 287/2016/TT-BTC ngày 15/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy</li> </ul> |

| STT | Mã số TTHC | Tên thủ tục hành chính                                 | Thời hạn giải quyết                                                            | Địa điểm thực hiện                                                                                                                                               | Phí/lệ phí (nếu có) | Căn cứ pháp lý                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         |
|-----|------------|--------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|     |            |                                                        |                                                                                |                                                                                                                                                                  |                     | <p>định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực năng lượng nguyên tử.</p> <p>- Thông tư số 02/2022/TT-BKHCN ngày 25/2/2022 của Bộ KH&amp;CN hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 142/2020/NĐ-CP.</p> <p>- Thông tư số 13/2023/TT-BKHCN ngày 30/6/2023 của Bộ KH&amp;CN bãi bỏ một số văn bản quy phạm pháp luật do Bộ trưởng Bộ KH&amp;CN ban hành, liên tịch ban hành.</p> |
| 7.  | 2.002385   | Thủ tục khai báo thiết bị X-quang chẩn đoán trong y tế | 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ và phí, lệ phí theo quy định. | <p>- Nộp hồ sơ trực tiếp tại Trung tâm phục vụ hành chính công</p> <p>- Gửi hồ sơ qua dịch vụ bưu chính.</p> <p>- Nộp trực tuyến qua Hệ thống thông tin giải</p> | Không               | <p>- Luật Năng lượng nguyên tử số 18/2008/QH12 ngày 03/6/2008.</p> <p>- Nghị định số 142/2020/NĐ-CP ngày 09 tháng 12 năm 2020 quy định về việc tiến hành công việc bức xạ và hoạt động dịch vụ hỗ trợ ứng dụng năng lượng nguyên tử.</p>                                                                                                                                                                               |

| STT        | Mã số TTHC                                          | Tên thủ tục hành chính    | Thời hạn giải quyết                               | Địa điểm thực hiện              | Phí/lệ phí (nếu có) | Căn cứ pháp lý                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      |
|------------|-----------------------------------------------------|---------------------------|---------------------------------------------------|---------------------------------|---------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|            |                                                     |                           |                                                   | quyết TTHC                      |                     | <p>- Thông tư số 287/2016/TT-BTC ngày 15/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực năng lượng nguyên tử.</p> <p>- Thông tư số 02/2022/TT-BKHCN ngày 25/2/2022 của Bộ KH&amp;CN hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 142/2020/NĐ-CP.</p> <p>- Thông tư số 13/2023/TT-BKHCN ngày 30/6/2023 của Bộ KH&amp;CN bãi bỏ một số văn bản quy phạm pháp luật do Bộ trưởng Bộ KH&amp;CN ban hành, liên tịch ban hành.</p> |
| <b>III</b> | <b>LĨNH VỰC TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG (12)</b> |                           |                                                   |                                 |                     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     |
| 1.         | 2.001208                                            | Chỉ định tổ chức đánh giá | - Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận | - Nộp hồ sơ trực tiếp tại Trung | Không               | - Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa số ngày 21/11/                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 |

| STT | Mã số TTHC | Tên thủ tục hành chính                                            | Thời hạn giải quyết                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | Địa điểm thực hiện                                                           | Phí/lệ phí (nếu có) | Căn cứ pháp lý                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     |
|-----|------------|-------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------|---------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|     |            | sự phù hợp hoạt động thử nghiệm, giám định, kiểm định, chứng nhận | <p>được hồ sơ: thông báo yêu cầu sửa đổi, bổ sung hồ sơ.</p> <p>- Trong thời hạn 20 ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ hợp lệ: Đánh giá năng lực thực tế tại tổ chức đánh giá sự phù hợp và ký biên bản đánh giá thực tế.</p> <p>- Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được báo cáo kết quả hành động khắc phục: Tham mưu UBND tỉnh ban hành quyết định chỉ định.</p> | <p>tâm phục vụ hành chính công</p> <p>- Gửi hồ sơ qua dịch vụ bưu chính.</p> |                     | <p>2007.</p> <p>- Nghị định số 132/2008/NĐ-CP ngày 31/12/2008 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa;</p> <p>- Nghị định số 74/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 132/2008/NĐ-CP</p> <p>- Nghị định số 154/2018/NĐ-CP ngày 09/11/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định về điều kiện đầu tư, kinh doanh trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ KH&amp;CN và một số quy định về kiểm tra chuyên ngành.</p> |
| 2.  | 2.001100   | Thay đổi, bổ sung phạm vi, lĩnh vực đánh                          | - Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ: yêu cầu sửa                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | - Nộp hồ sơ trực tiếp tại Trung tâm phục vụ                                  | Không               | - Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa số ngày 21/11/2007.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           |

| STT | Mã số TTHC | Tên thủ tục hành chính                              | Thời hạn giải quyết                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | Địa điểm thực hiện                                               | Phí/lệ phí (nếu có) | Căn cứ pháp lý                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        |
|-----|------------|-----------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------|---------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|     |            | giá sự phù hợp được chỉ định                        | <p>đổi, bổ sung hồ sơ (nếu có).</p> <p>- Trong thời hạn 20 ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ hợp lệ: Đánh giá năng lực thực tế tại tổ chức đánh giá sự phù hợp và ký biên bản đánh giá thực tế.</p> <p>- Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được báo cáo kết quả hành động khắc phục: Tham mưu UBND tỉnh ban hành quyết định chỉ định.</p> | <p>hành chính công</p> <p>- Gửi hồ sơ qua dịch vụ bưu chính.</p> |                     | <p>- Nghị định số 132/2008/NĐ-CP ngày 31/12/2008 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa;</p> <p>- Nghị định số 74/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 132/2008/NĐ-CP</p> <p>- Nghị định số 154/2018/NĐ-CP ngày 09/11/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định về điều kiện đầu tư, kinh doanh trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ KH&amp;CN và một số quy định về kiểm tra chuyên ngành.</p> |
| 3.  | 2.001501   | Cấp lại Quyết định chỉ định tổ chức đánh giá sự phù | 05 ngày làm việc                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | - Nộp hồ sơ trực tiếp tại Trung tâm phục vụ hành chính công      | Không               | - Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa số ngày 21/11/2007.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              |



| STT | Mã số TTHC | Tên thủ tục hành chính                                             | Thời hạn giải quyết                                                                                          | Địa điểm thực hiện                                                                                | Phí/lệ phí (nếu có) | Căn cứ pháp lý                                                                                                                                                                                                                                                   |
|-----|------------|--------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|     |            | hợp                                                                |                                                                                                              | - Gửi hồ sơ qua dịch vụ bưu chính.                                                                |                     | - Nghị định số 132/2008/NĐ-CP ngày 31/12/2008 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa;<br>- Nghị định số 74/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 132/2008/NĐ-CP |
| 4.  | 2.001269   | Đăng ký tham dự sơ tuyển, xét tặng Giải thưởng Chất lượng Quốc gia | Hàng năm                                                                                                     | - Nộp hồ sơ trực tiếp tại Trung tâm phục vụ hành chính công<br>- Gửi hồ sơ qua dịch vụ bưu chính. | Không               | - Nghị định số 74/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ;<br>- Thông tư số 27/2019/TT-BKHCN ngày 26/12/2019 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ.                                                                                                             |
| 5.  | 2.001209   | Đăng ký công bố hợp chuẩn dựa trên kết quả chứng nhận hợp          | - Đối với hồ sơ đăng ký công bố hợp chuẩn không đầy đủ, trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc kể từ ngày nhận | - Nộp hồ sơ trực tiếp tại Trung tâm phục vụ hành chính công<br>- Gửi hồ sơ qua                    | 150.000 đồng        | - Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa ngày 21/11/2007.<br>- Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật ngày 29/6/2006.                                                                                                                                                 |

| STT | Mã số TTHC | Tên thủ tục hành chính        | Thời hạn giải quyết                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | Địa điểm thực hiện | Phí/lệ phí (nếu có) | Căn cứ pháp lý                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |
|-----|------------|-------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------|---------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|     |            | chuẩn của tổ chức chứng nhận. | <p>được hồ sơ đăng ký công bố hợp chuẩn, Sở Khoa học và Công nghệ thông báo bằng văn bản đề nghị bổ sung các loại giấy tờ theo quy định. Sau thời hạn 15 (mười lăm) ngày làm việc kể từ ngày gửi văn bản đề nghị mà hồ sơ đăng ký công bố hợp chuẩn không được bổ sung đầy đủ theo quy định, Sở Khoa học và Công nghệ có quyền hủy bỏ việc xử lý đối với hồ sơ này.</p> <p>- Đối với hồ sơ đăng ký công bố hợp chuẩn đầy đủ theo quy định, trong thời gian 05 (năm) ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đăng ký công bố hợp chuẩn, Sở Khoa học và Công nghệ phải tổ chức kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ đăng ký công</p> | dịch vụ bưu chính. |                     | <p>- Nghị định số 127/2007/NĐ-CP ngày 01/8/2007 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật.</p> <p>- Nghị định số 132/2008/NĐ-CP ngày 31/12/2008 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa.</p> <p>- Nghị định số 74/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ sửa đổi một số điều của Nghị định số 132/2008/NĐ-CP</p> <p>- Nghị định số 78/2018/NĐ-CP ngày 16/5/2018 của Chính phủ sửa đổi một số điều của Nghị định số 127/2007/NĐ-CP</p> <p>- Thông tư số 28/2012/TT-</p> |

| STT | Mã số TTHC | Tên thủ tục hành chính                                        | Thời hạn giải quyết                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | Địa điểm thực hiện                                                                        | Phí/lệ phí (nếu có) | Căn cứ pháp lý                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           |
|-----|------------|---------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|     |            |                                                               | <p>bố hợp chuẩn để xử lý như sau:</p> <p>+ Trường hợp hồ sơ đăng ký công bố hợp chuẩn đầy đủ và hợp lệ, Sở Khoa học và Công nghệ ban hành Thông báo tiếp nhận hồ sơ đăng ký công bố hợp chuẩn cho tổ chức, cá nhân công bố hợp chuẩn.</p> <p>+ Trường hợp hồ sơ đăng ký công bố hợp chuẩn đầy đủ nhưng không hợp lệ, Sở Khoa học và Công nghệ thông báo bằng văn bản cho cho tổ chức, cá nhân công bố hợp chuẩn về lý do không tiếp nhận hồ sơ.</p> |                                                                                           |                     | <p>BKHCN ngày 12/12/2012 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định về công bố hợp chuẩn, công bố hợp quy và phương thức đánh giá sự phù hợp với tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật.</p> <p>- Thông tư số 183/2016/TT-BTC ngày 8/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý lệ phí cấp giấy đăng ký công bố hợp chuẩn, hợp quy.</p> <p>- Thông tư số 02/2017/TT-BKHCN ngày 31/3/2017 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 28/2012/TT-BKHCN.</p> |
| 6.  | 2.001207   | Đăng ký công bố hợp chuẩn dựa trên kết quả tự đánh giá của tổ | - Đối với hồ sơ đăng ký công bố hợp chuẩn không đầy đủ, trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc kể từ ngày nhận                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | <p>- Nộp hồ sơ trực tiếp tại Trung tâm phục vụ hành chính công</p> <p>- Gửi hồ sơ qua</p> | 150.000 đồng        | <p>- Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa ngày 21/11/2007.</p> <p>- Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật ngày 29/6/2006.</p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              |

| STT | Mã số TTHC | Tên thủ tục hành chính              | Thời hạn giải quyết                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | Địa điểm thực hiện | Phí/lệ phí (nếu có) | Căn cứ pháp lý                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                |
|-----|------------|-------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------|---------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|     |            | chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh. | <p>được hồ sơ đăng ký công bố hợp chuẩn, Sở Khoa học và Công nghệ thông báo bằng văn bản đề nghị bổ sung các loại giấy tờ theo quy định. Sau thời hạn 15 (mười lăm) ngày làm việc kể từ ngày gửi văn bản đề nghị mà hồ sơ đăng ký công bố hợp chuẩn không được bổ sung đầy đủ theo quy định, Sở Khoa học và Công nghệ có quyền huỷ bỏ việc xử lý đối với hồ sơ này.</p> <p>- Đối với hồ sơ đăng ký công bố hợp chuẩn đầy đủ, trong thời gian 05 (năm) ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đăng ký công bố hợp chuẩn, Sở Khoa học và Công nghệ phải tổ chức kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ đăng ký công bố</p> | dịch vụ bưu chính. |                     | <p>- Nghị định số 127/2007/NĐ-CP ngày 01/8/2007 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật.</p> <p>- Nghị định số 132/2008/NĐ-CP ngày 31/12/2008 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa.</p> <p>- Nghị định số 74/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ sửa đổi một số điều của Nghị định 132/2008/NĐ-CP</p> <p>- Nghị định số 78/2018/NĐ-CP ngày 16/5/2018 của Chính phủ sửa đổi một số điều của Nghị định số 127/2007/NĐ-CP</p> <p>- Thông tư số 28/2012/TT-</p> |

| STT | Mã số TTHC | Tên thủ tục hành chính                                     | Thời hạn giải quyết                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | Địa điểm thực hiện                                                             | Phí/lệ phí (nếu có) | Căn cứ pháp lý                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          |
|-----|------------|------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------|---------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|     |            |                                                            | <p>hợp chuẩn để xử lý như sau:</p> <p>+ Trường hợp hồ sơ đăng ký công bố hợp chuẩn đầy đủ và hợp lệ, Sở Khoa học và Công nghệ ban hành Thông báo tiếp nhận hồ sơ đăng ký công bố hợp chuẩn cho tổ chức, cá nhân công bố hợp chuẩn.</p> <p>+ Trường hợp hồ sơ đăng ký công bố hợp chuẩn đầy đủ nhưng không hợp lệ, Sở Khoa học và Công nghệ thông báo bằng văn bản cho cho tổ chức, cá nhân công bố hợp chuẩn về lý do không tiếp nhận hồ sơ.</p> |                                                                                |                     | <p>BKHCN ngày 12/12/2012 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định về công bố hợp chuẩn, công bố hợp quy và phương thức đánh giá sự phù hợp với tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật.</p> <p>- Thông tư số 183/2016/TT-BTC ngày 8/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý lệ phí cấp giấy đăng ký công bố hợp chuẩn, hợp quy.</p> <p>- Thông tư số 02/2017/TT-BKHCN ngày 31/3/2017 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 28/2012/TT-BKHCN</p> |
| 7.  | 2.001277   | Đăng ký công bố hợp quy đối với các sản phẩm, hàng hóa sản | - Đối với hồ sơ đăng ký công bố hợp quy không đầy đủ theo quy định, trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc kể từ ngày                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | - Nộp hồ sơ trực tiếp tại Trung tâm phục vụ hành chính công<br>- Gửi hồ sơ qua | 150.000 đồng        | <p>- Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa ngày 21/11/2007.</p> <p>- Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật ngày 29/6/2006.</p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             |

| STT | Mã số TTHC | Tên thủ tục hành chính                                                                                                                | Thời hạn giải quyết                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | Địa điểm thực hiện | Phí/lệ phí (nếu có) | Căn cứ pháp lý                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              |
|-----|------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------|---------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|     |            | xuất trong nước, dịch vụ, quá trình, môi trường được quản lý bởi các quy chuẩn kỹ thuật quốc gia do Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành | <p>nhận được hồ sơ đăng ký công bố hợp quy, Sở Khoa học và Công nghệ thông báo bằng văn bản đề nghị bổ sung các loại giấy tờ theo quy định. Sau thời hạn 15 (mười lăm) ngày làm việc kể từ ngày gửi văn bản đề nghị mà hồ sơ đăng ký công bố hợp quy không được bổ sung đầy đủ theo quy định, Sở Khoa học và Công nghệ có quyền hủy bỏ việc xử lý đối với hồ sơ này.</p> <p>- Đối với hồ sơ đăng ký công bố hợp quy đầy đủ theo quy định, trong thời hạn 05 (năm) ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đăng ký công bố hợp quy, Sở Khoa học và Công nghệ phải tổ chức kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ đăng ký công</p> | dịch vụ bưu chính. |                     | <p>- Nghị định số 127/2007/NĐ-CP ngày 01/8/2007 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật.</p> <p>- Nghị định số 132/2008/NĐ-CP ngày 31/12/2008 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa.</p> <p>- Nghị định số 74/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ sửa đổi một số điều của Nghị định 132/2008/NĐ-CP</p> <p>- Nghị định 78/2018/NĐ-CP ngày 16/5/2018 của Chính phủ sửa đổi một số điều của Nghị định 27/2007/NĐ-CP</p> <p>- Thông tư số 28/2012/TT-BKHCN ngày 12/12/2012</p> |

| STT | Mã số TTHC | Tên thủ tục hành chính                                                       | Thời hạn giải quyết                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | Địa điểm thực hiện                                                                                           | Phí/lệ phí (nếu có) | Căn cứ pháp lý                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |
|-----|------------|------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|     |            |                                                                              | <p>bổ hợp quy để xử lý như sau:</p> <p>+ Trường hợp hồ sơ đăng ký công bố hợp quy đầy đủ và hợp lệ, Sở Khoa học và Công nghệ ban hành Thông báo tiếp nhận hồ sơ đăng ký công bố hợp quy cho tổ chức, cá nhân công bố hợp quy.</p> <p>+ Trường hợp hồ sơ đăng ký công bố hợp quy đầy đủ nhưng không hợp lệ, Sở Khoa học và Công nghệ thông báo bằng văn bản cho tổ chức, cá nhân công bố hợp quy về lý do không tiếp nhận hồ sơ.</p> |                                                                                                              |                     | <p>của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định về công bố hợp chuẩn, công bố hợp quy và phương thức đánh giá sự phù hợp với tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật.</p> <p>- Thông tư số 02/2017/TT-BKHCN ngày 31/3/2017 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 28/2012/TT-BKHCN</p> <p>- Thông tư số 183/2016/TT-BTC ngày 8/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý lệ phí cấp giấy đăng ký công bố hợp chuẩn, hợp quy.</p> |
| 8.  | 2.001259   | Kiểm tra nhà nước về chất lượng sản phẩm, hàng hóa hàng hóa nhóm 2 nhập khẩu | - Đối với hàng hóa nhóm 2 nhập khẩu, tại quy chuẩn kỹ thuật quốc gia quy định biện pháp công bố hợp quy theo kết quả tự đánh giá sự phù hợp của tổ chức, cá nhân;                                                                                                                                                                                                                                                                   | <p>- Nộp hồ sơ trực tiếp tại Trung tâm phục vụ hành chính công</p> <p>- Gửi hồ sơ qua dịch vụ bưu chính.</p> | Không               | <p>- Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa số 05/2007/QH12 ngày 21/11/2007.</p> <p>- Nghị định số 132/2008/NĐ-CP ngày 31/12/2008 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành</p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        |

| STT | Mã số TTHC | Tên thủ tục hành chính         | Thời hạn giải quyết                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | Địa điểm thực hiện                                          | Phí/lệ phí (nếu có) | Căn cứ pháp lý                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            |
|-----|------------|--------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------|---------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|     |            |                                | <p>theo kết quả chứng nhận, giám định của tổ chức chứng nhận, tổ chức giám định đã đăng ký hoặc được thừa nhận theo quy định của pháp luật.</p> <p>- Xác nhận người nhập khẩu đã đăng ký kiểm tra chất lượng hàng hóa nhập khẩu. Trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ đăng ký kiểm tra chất lượng hàng hóa nhập khẩu.</p> | - Nộp trực tuyến qua Hệ thống thông tin giải quyết TTHC     |                     | <p>một số điều của Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa.</p> <p>- Nghị định số 43/2017/NĐ-CP ngày 14/4/2017 của Chính phủ về nhãn hàng hóa.</p> <p>- Nghị định số 74/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung Nghị định số 132/2008/NĐ-CP</p> <p>- Nghị định số 154/2018/NĐ-CP ngày 9/11/2018 về việc sửa đổi bổ sung, bãi bỏ một số quy định về điều kiện đầu tư kinh doanh trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ và một số quy định về kiểm tra chuyên ngành</p> |
| 9.  | 2.000212   | Công bố sử dụng dấu định lượng | - Thời hạn kiểm tra và trả lời về tính đầy đủ và hợp lệ của hồ sơ: 03 ngày làm việc.                                                                                                                                                                                                                                                       | - Nộp hồ sơ trực tiếp tại Trung tâm phục vụ hành chính công | Không               | <p>- Luật Đo lường ngày 11/11/2011.</p> <p>- Nghị định số 86/2012/NĐ-</p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 |



| STT | Mã số TTHC | Tên thủ tục hành chính                                     | Thời hạn giải quyết                                                                                                                                                                                                                                                                               | Địa điểm thực hiện                                                                                                                                        | Phí/lệ phí (nếu có) | Căn cứ pháp lý                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             |
|-----|------------|------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|     |            |                                                            | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thời hạn bổ sung hồ sơ: 30 ngày kể từ ngày Sở Khoa học và Công nghệ gửi thông báo.</li> <li>- Thời hạn giải quyết sau khi hồ sơ hợp lệ, đầy đủ: 05 ngày làm việc.</li> </ul>                                                                             | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Gửi hồ sơ qua dịch vụ bưu chính.</li> </ul>                                                                      |                     | <ul style="list-style-type: none"> <li>CP ngày 19/10/2012 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đo lường.</li> <li>- Nghị định số 43/2017/NĐ-CP ngày 14/4/2017 của Chính phủ về nhãn hàng hóa.</li> <li>- Thông tư số 21/2014/TT-BKHCN ngày 15/7/2014 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định về đo lường đối với lượng của hàng hóa đóng gói sẵn.</li> </ul> |
| 10. | 1.000449   | Điều chỉnh nội dung của bản công bố sử dụng dấu định lượng | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thời hạn kiểm tra và trả lời về tính đầy đủ và hợp lệ của hồ sơ: 03 ngày làm việc.</li> <li>- Thời hạn bổ sung hồ sơ: 30 ngày kể từ ngày Sở Khoa học và Công nghệ gửi thông báo.</li> <li>- Thời hạn giải quyết sau khi hồ sơ hợp lệ, đầy đủ:</li> </ul> | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nộp hồ sơ trực tiếp tại Trung tâm phục vụ hành chính công</li> <li>- Gửi hồ sơ qua dịch vụ bưu chính.</li> </ul> | Không               | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Đo lường ngày 11/11/2011.</li> <li>- Nghị định số 86/2012/NĐ-CP ngày 19/10/2012 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đo lường.</li> <li>- Nghị định số 43/2017/NĐ-CP ngày 14/4/2017 của Chính phủ về nhãn hàng</li> </ul>                                                                                              |

| STT | Mã số TTHC | Tên thủ tục hành chính                                                                                      | Thời hạn giải quyết                                                                                                                                                                                                             | Địa điểm thực hiện                                                                                    | Phí/lệ phí (nếu có) | Căn cứ pháp lý                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  |
|-----|------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|     |            |                                                                                                             | 05 ngày làm việc.                                                                                                                                                                                                               |                                                                                                       |                     | hóa.<br>- Thông tư số 21/2014/TT-BKHCN ngày 15/7/2014 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định về đo lường đối với lượng của hàng hóa đóng gói sẵn.                                                                                                                                                                                                                                                                                                      |
| 11. | 2.002253   | Cấp Giấy xác nhận đăng ký hoạt động xét tặng giải thưởng chất lượng sản phẩm, hàng hoá của tổ chức, cá nhân | 15 ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ đầy đủ và hợp lệ: tiến hành thẩm xét hồ sơ, nếu đáp ứng điều kiện quy định, cấp Giấy xác nhận.<br><br>Trường hợp hồ sơ không đáp ứng yêu cầu quy định: thông báo lý do bằng văn bản. | - Nộp hồ sơ trực tiếp tại Trung tâm phục vụ hành chính công<br><br>- Gửi hồ sơ qua dịch vụ bưu chính. | Không               | - Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hoá ngày 21/11/2007.<br><br>- Luật Thi đua, Khen thưởng ngày 26/11/2003 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, Khen thưởng ngày 14/6/2005.<br><br>- Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31/7/2017 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi đua, Khen thưởng<br><br>- Quyết định số 51/2010/QĐ-TTg ngày 28/7/2010 của TTCP về việc ban hành Quy chế quản lý tổ chức xét tôn vinh danh hiệu |

| STT | Mã số TTHC | Tên thủ tục hành chính                                  | Thời hạn giải quyết                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | Địa điểm thực hiện                                                                                                                                                          | Phí/lệ phí (nếu có)                                   | Căn cứ pháp lý                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          |
|-----|------------|---------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|     |            |                                                         |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           |                                                                                                                                                                             |                                                       | <p>và trao giải thưởng cho doanh nhân và doanh nghiệp.</p> <p>- Thông tư số 06/2009/TT-BKHCN ngày 03/4/2009 của Bộ trưởng Bộ KH&amp;CN hướng dẫn về điều kiện, thủ tục xét tặng giải thưởng chất lượng sản phẩm, hàng hoá của tổ chức, cá nhân.</p>                                                                                                                     |
| 12. | 1.001392   | Miễn giảm kiểm tra chất lượng hàng hóa nhóm 2 nhập khẩu | <p>- Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đề nghị, nếu hồ sơ không đầy đủ, hợp lệ theo quy định, Sở Khoa học và Công nghệ thông báo bằng văn bản yêu cầu người nhập khẩu sửa đổi, bổ sung hồ sơ.</p> <p>- Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ hợp lệ, Sở Khoa học và Công nghệ có văn bản xác nhận miễn kiểm tra nhà nước</p> | <p>- Nộp hồ sơ trực tiếp tại Trung tâm phục vụ hành chính công</p> <p>- Gửi hồ sơ qua dịch vụ bưu chính.</p> <p>- Nộp trực tuyến qua Hệ thống thông tin giải quyết TTHC</p> | Theo quy định hiện hành của pháp luật về phí, lệ phí. | <p>- Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật ngày 29 tháng 6 năm 2006.</p> <p>- Nghị định số 132/2008/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2008 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa. Nghị định số 74/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 132/2008/NĐ-CP ngày 31</p> |

| STT       | Mã số TTHC                                  | Tên thủ tục hành chính                                   | Thời hạn giải quyết                                                                                                                                                          | Địa điểm thực hiện                                                                         | Phí/lệ phí (nếu có)                | Căn cứ pháp lý                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            |
|-----------|---------------------------------------------|----------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|           |                                             |                                                          | về chất lượng với các thông tin sau: tên hàng hóa, nhãn hiệu, kiểu loại; đặc tính kỹ thuật; xuất xứ, nhà sản xuất; số lượng, khối lượng nhập khẩu theo đăng ký; đơn vị tính. |                                                                                            |                                    | tháng 12 năm 2008 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa.<br><br>- Nghị định số 154/2018/NĐ-CP ngày 09 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định về điều kiện đầu tư, kinh doanh trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ và một số quy định về kiểm tra chuyên ngành |
| <b>IV</b> | <b>LĨNH VỰC SỞ HỮU TRÍ TUỆ (03 thủ tục)</b> |                                                          |                                                                                                                                                                              |                                                                                            |                                    |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           |
| 1.        | 1.011937                                    | Cấp Giấy chứng nhận tổ chức giám định sở hữu công nghiệp | 01 tháng kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ                                                                                                                                        | - Nộp hồ sơ trực tiếp tại Trung tâm phục vụ hành chính công<br>- Gửi hồ sơ qua dịch vụ bưu | Phí thẩm định hồ sơ: 250.000 đồng. | - Luật Sở hữu trí tuệ số 50/2005/QH11 ngày 29/11/2005, được sửa đổi, bổ sung theo Luật số 36/2009/QH12 ngày 19/6/2009, Luật số 42/2019/QH14 ngày 14                                                                                                                                                                                                                       |

| STT | Mã số TTHC | Tên thủ tục hành chính               | Thời hạn giải quyết                              | Địa điểm thực hiện                                                | Phí/lệ phí (nếu có)                | Căn cứ pháp lý                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |
|-----|------------|--------------------------------------|--------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------|------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|     |            |                                      |                                                  | chính.<br>- Nộp trực tuyến qua Hệ thống thông tin giải quyết TTHC |                                    | tháng 6 năm 2019 và Luật số 07/2022/QH15 ngày 16 tháng 6 năm 2022;<br>- Nghị định số 65/2023/NĐ-CP ngày 23 tháng 8 năm 2023 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, bảo vệ quyền sở hữu công nghiệp, quyền đối với giống cây trồng và quản lý nhà nước về sở hữu trí tuệ;<br>- Thông tư số 263/2016/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2016 quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 31/2020/TT-BTC ngày 04 tháng 5 năm 2020. |
| 2.  | 1.011938   | Cấp lại Giấy chứng nhận tổ chức giám | 20 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ | - Nộp hồ sơ trực tiếp tại Trung tâm phục vụ                       | Phí thẩm định hồ sơ: 250.000 đồng. | - Luật Sở hữu trí tuệ số 50/2005/QH11 ngày 29/11/2005, được sửa đổi,                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              |

| STT | Mã số TTHC | Tên thủ tục hành chính  | Thời hạn giải quyết | Địa điểm thực hiện                                                                                               | Phí/lệ phí (nếu có) | Căn cứ pháp lý                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |
|-----|------------|-------------------------|---------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|     |            | định sở hữu công nghiệp |                     | hành chính công<br>- Gửi hồ sơ qua dịch vụ bưu chính.<br>- Nộp trực tuyến qua Hệ thống thông tin giải quyết TTHC |                     | bổ sung theo Luật số 36/2009/QH12 ngày 19/6/2009, Luật số 42/2019/QH14 ngày 14 tháng 6 năm 2019 và Luật số 07/2022/QH15 ngày 16 tháng 6 năm 2022;<br>- Nghị định số 65/2023/NĐ-CP ngày 23 tháng 8 năm 2023 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, bảo vệ quyền sở hữu công nghiệp, quyền đối với giống cây trồng và quản lý nhà nước về sở hữu trí tuệ;<br>- Thông tư số 263/2016/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2016 quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 31/2020/TT-BTC ngày 04 tháng 5 năm 2020. |

| STT      | Mã số TTHC                     | Tên thủ tục hành chính                                       | Thời hạn giải quyết                        | Địa điểm thực hiện                                                                                                                                                                                                         | Phí/lệ phí (nếu có) | Căn cứ pháp lý                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              |
|----------|--------------------------------|--------------------------------------------------------------|--------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 3.       | 1.011939                       | Thu hồi Giấy chứng nhận tổ chức giám định sở hữu công nghiệp | 03 tháng kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ hợp lệ | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nộp hồ sơ trực tiếp tại Trung tâm phục vụ hành chính công</li> <li>- Gửi hồ sơ qua dịch vụ bưu chính.</li> <li>- Nộp trực tuyến qua Hệ thống thông tin giải quyết TTHC</li> </ul> | Không               | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Sở hữu trí tuệ số 50/2005/QH11 ngày 29/11/2005, được sửa đổi, bổ sung theo Luật số 36/2009/QH12 ngày 19/6/2009, Luật số 42/2019/QH14 ngày 14 tháng 6 năm 2019 và Luật số 07/2022/QH15 ngày 16 tháng 6 năm 2022;</li> <li>- Nghị định số 65/2023/NĐ-CP ngày 23 tháng 8 năm 2023 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, bảo vệ quyền sở hữu công nghiệp, quyền đối với giống cây trồng và quản lý nhà nước về sở hữu trí tuệ</li> </ul> |
| <b>V</b> | <b>LĨNH VỰC BƯU CHÍNH (07)</b> |                                                              |                                            |                                                                                                                                                                                                                            |                     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             |

| STT | Mã số TTHC | Tên thủ tục hành chính   | Thời hạn giải quyết                                                 | Địa điểm thực hiện                                                                                                                                                                                                         | Phí/lệ phí (nếu có)                                                                                                                                                                                               | Căn cứ pháp lý                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          |
|-----|------------|--------------------------|---------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 1   | 1.003659   | Cấp giấy phép buôn chính | 20 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đáp ứng các quy định của pháp luật | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nộp hồ sơ trực tiếp tại Trung tâm phục vụ hành chính công</li> <li>- Gửi hồ sơ qua dịch vụ bưu chính.</li> <li>- Nộp trực tuyến qua Hệ thống thông tin giải quyết TTHC</li> </ul> | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Trường hợp cấp phép lần đầu: 10.750.000 đồng.</li> <li>- Trường hợp chuyển nhượng toàn bộ cho doanh nghiệp do mua bán, sáp nhập doanh nghiệp: 4.250.000 đồng.</li> </ul> | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Bưu chính số 49/2010/QH ngày 28/6/2010.</li> <li>- Nghị định số 47/2011/NĐ-CP ngày 17/6/2011 chi tiết thi hành một số nội dung của Luật Bưu chính.</li> <li>- Nghị định số 25/2022/NĐ-CP ngày 12/4/2022 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 47/2011/NĐ-CP ngày 17/6/2011 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số nội dung của Luật Bưu chính.</li> <li>- Thông tư số 291/2016/TT-BTC ngày 15/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định điều kiện hoạt động bưu chính.</li> <li>- Thông tư số 25/2020/TT-BTC ngày 14/4/2020 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung</li> </ul> |



| STT | Mã số TTHC | Tên thủ tục hành chính               | Thời hạn giải quyết                                                 | Địa điểm thực hiện                                                                                                                                                                                                         | Phí/lệ phí (nếu có)                                                                                                                                                                                       | Căn cứ pháp lý                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           |
|-----|------------|--------------------------------------|---------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|     |            |                                      |                                                                     |                                                                                                                                                                                                                            |                                                                                                                                                                                                           | một số điều của Thông tư số 291/2016/TT-BTC ngày 15/11/2016 quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định điều kiện hoạt động bưu chính.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           |
| 2   | 1.003687   | Sửa đổi, bổ sung phép chính giấy bưu | 10 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đáp ứng các quy định của pháp luật | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nộp hồ sơ trực tiếp tại Trung tâm phục vụ hành chính công</li> <li>- Gửi hồ sơ qua dịch vụ bưu chính.</li> <li>- Nộp trực tuyến qua Hệ thống thông tin giải quyết TTHC</li> </ul> | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Trường hợp mở rộng phạm vi cung ứng dịch vụ nội tỉnh: 2.750.000 đồng.</li> <li>- Trường hợp thay đổi các nội dung khác trong giấy phép: 750.000 đồng.</li> </ul> | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Bưu chính số 49/2010/QH ngày 28/6/2010.</li> <li>- Nghị định số 47/2011/NĐ-CP ngày 17/6/2011 chi tiết thi hành một số nội dung của Luật Bưu chính.</li> <li>- Nghị định số 25/2022/NĐ-CP ngày 12/4/2022 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 47/2011/NĐ-CP ngày 17/6/2011 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số nội dung của Luật Bưu chính.</li> <li>- Thông tư số 291/2016/TT-BTC ngày 15/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý</li> </ul> |

| STT | Mã số TTHC | Tên thủ tục hành chính                  | Thời hạn giải quyết                                                 | Địa điểm thực hiện                                                                                                                                                          | Phí/lệ phí (nếu có) | Căn cứ pháp lý                                                                                                                                                                                                                                                                                                     |
|-----|------------|-----------------------------------------|---------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|     |            |                                         |                                                                     |                                                                                                                                                                             |                     | <p>và sử dụng phí thẩm định điều kiện hoạt động bưu chính.</p> <p>- Thông tư số 25/2020/TT-BTC ngày 14/4/2020 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 291/2016/TT-BTC ngày 15/11/2016 quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định điều kiện hoạt động bưu chính.</p> |
| 3   | 1.003633   | Cấp lại giấy phép bưu chính khi hết hạn | 10 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đáp ứng các quy định của pháp luật | <p>- Nộp hồ sơ trực tiếp tại Trung tâm phục vụ hành chính công</p> <p>- Gửi hồ sơ qua dịch vụ bưu chính.</p> <p>- Nộp trực tuyến qua Hệ thống thông tin giải quyết TTHC</p> | 5.375.000 đồng      | <p>- Luật Bưu chính số 49/2010/QH ngày 28/6/2010.</p> <p>- Nghị định số 47/2011/NĐ-CP ngày 17/6/2011 chi tiết thi hành một số nội dung của Luật Bưu chính.</p> <p>- Nghị định số 25/2022/NĐ-CP ngày 12/4/2022 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 47/2011/NĐ-CP ngày 17/6/2011 của Chính</p>                |

| STT | Mã số TTHC | Tên thủ tục hành chính                                    | Thời hạn giải quyết                                                 | Địa điểm thực hiện                                                                        | Phí/lệ phí (nếu có) | Căn cứ pháp lý                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         |
|-----|------------|-----------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|     |            |                                                           |                                                                     |                                                                                           |                     | <p>phủ quy định chi tiết thi hành một số nội dung của Luật Bưu chính.</p> <p>- Thông tư số 291/2016/TT-BTC ngày 15/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định điều kiện hoạt động bưu chính.</p> <p>- Thông tư số 25/2020/TT-BTC ngày 14/4/2020 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 291/2016/TT-BTC ngày 15/11/2016 quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định điều kiện hoạt động bưu chính.</p> |
| 4   | 1.004379   | Cấp lại giấy phép bưu chính khi bị mất hoặc hư hỏng không | 07 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đáp ứng các quy định của pháp luật | <p>- Nộp hồ sơ trực tiếp tại Trung tâm phục vụ hành chính công</p> <p>- Gửi hồ sơ qua</p> | 500.000 đồng        | <p>- Luật Bưu chính số 49/2010/QH ngày 28/6/2010.</p> <p>- Nghị định số 47/2011/NĐ-CP ngày 17/6/2011 chi tiết</p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      |

| STT | Mã số TTHC | Tên thủ tục hành chính | Thời hạn giải quyết | Địa điểm thực hiện                                                                       | Phí/lệ phí (nếu có) | Căn cứ pháp lý                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |
|-----|------------|------------------------|---------------------|------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|     |            | sử dụng được           |                     | <p>dịch vụ bưu chính.</p> <p>- Nộp trực tuyến qua Hệ thống thông tin giải quyết TTHC</p> |                     | <p>thi hành một số nội dung của Luật Bưu chính.</p> <p>- Nghị định số 25/2022/NĐ-CP ngày 12/4/2022 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 47/2011/NĐ-CP ngày 17/6/2011 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số nội dung của Luật Bưu chính.</p> <p>- Thông tư số 291/2016/TT-BTC ngày 15/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định điều kiện hoạt động bưu chính.</p> <p>- Thông tư số 25/2020/TT-BTC ngày 14/4/2020 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 291/2016/TT-BTC ngày 15/11/2016 quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định điều kiện hoạt động bưu</p> |

| STT | Mã số TTHC | Tên thủ tục hành chính                             | Thời hạn giải quyết                                                 | Địa điểm thực hiện                                                                                                                                                                                                         | Phí/lệ phí (nếu có)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | Căn cứ pháp lý                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |
|-----|------------|----------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|     |            |                                                    |                                                                     |                                                                                                                                                                                                                            |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | chính.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           |
| 5   | 1.004470   | Cấp văn bản xác nhận thông báo hoạt động bưu chính | 10 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đáp ứng các quy định của pháp luật | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nộp hồ sơ trực tiếp tại Trung tâm phục vụ hành chính công</li> <li>- Gửi hồ sơ qua dịch vụ bưu chính.</li> <li>- Nộp trực tuyến qua Hệ thống thông tin giải quyết TTHC</li> </ul> | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Trường hợp tự cung ứng dịch vụ phạm vi nội tỉnh: 1.250.000 đồng.</li> <li>- Trường hợp với chi nhánh, văn phòng đại diện của doanh nghiệp cung ứng dịch vụ bưu chính được thành lập theo pháp luật Việt Nam: 1.000.000 đồng.</li> <li>- Trường hợp chuyển nhượng toàn bộ doanh</li> </ul> | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Bưu chính số 49/2010/QH ngày 28/6/2010.</li> <li>- Nghị định số 47/2011/NĐ-CP ngày 17/6/2011 chi tiết thi hành một số nội dung của Luật Bưu chính.</li> <li>- Nghị định số 25/2022/NĐ-CP ngày 12/4/2022 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 47/2011/NĐ-CP ngày 17/6/2011 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số nội dung của Luật Bưu chính.</li> <li>- Thông tư số 291/2016/TT-BTC ngày 15/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định điều kiện hoạt động bưu chính.</li> </ul> |

| STT | Mã số TTHC | Tên thủ tục hành chính                                          | Thời hạn giải quyết                                                 | Địa điểm thực hiện                                                                                                                                                                                                         | Phí/lệ phí (nếu có)                                       | Căn cứ pháp lý                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        |
|-----|------------|-----------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|     |            |                                                                 |                                                                     |                                                                                                                                                                                                                            | nghiệp do mua bán, sáp nhập doanh nghiệp: 1.250.000 đồng. | - Thông tư số 25/2020/TT-BTC ngày 14/4/2020 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 291/2016/TT-BTC ngày 15/11/2016 quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định điều kiện hoạt động bưu chính.                                                                                                                                                                          |
| 6   | 1.010902   | Sửa đổi, bổ sung văn bản xác nhận thông báo hoạt động bưu chính | 10 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đáp ứng các quy định của pháp luật | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nộp hồ sơ trực tiếp tại Trung tâm phục vụ hành chính công</li> <li>- Gửi hồ sơ qua dịch vụ bưu chính.</li> <li>- Nộp trực tuyến qua Hệ thống thông tin giải quyết TTHC</li> </ul> | Không có                                                  | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Bưu chính số 49/2010/QH ngày 28/6/2010.</li> <li>- Nghị định số 47/2011/NĐ-CP ngày 17/6/2011 chi tiết thi hành một số nội dung của Luật Bưu chính.</li> <li>- Nghị định số 25/2022/NĐ-CP ngày 12/4/2022 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 47/2011/NĐ-CP ngày 17/6/2011 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số nội dung của Luật Bưu chính.</li> </ul> |

| STT | Mã số TTHC | Tên thủ tục hành chính                                                               | Thời hạn giải quyết                                                 | Địa điểm thực hiện                                                                                           | Phí/lệ phí (nếu có)                                                                   | Căn cứ pháp lý                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               |
|-----|------------|--------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|     |            |                                                                                      |                                                                     |                                                                                                              |                                                                                       | <p>- Thông tư số 291/2016/TT-BTC ngày 15/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định điều kiện hoạt động bưu chính.</p> <p>- Thông tư số 25/2020/TT-BTC ngày 14/4/2020 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 291/2016/TT-BTC ngày 15/11/2016 quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định điều kiện hoạt động bưu chính.</p> |
| 7   | 1.005442   | Cấp lại văn bản xác nhận thông báo hoạt động bưu chính khi bị mất hoặc hư hỏng không | 07 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đáp ứng các quy định của pháp luật | <p>- Nộp hồ sơ trực tiếp tại Trung tâm phục vụ hành chính công</p> <p>- Gửi hồ sơ qua dịch vụ bưu chính.</p> | Trường hợp cấp lại Văn bản xác nhận thông báo hoạt động bưu chính nội tỉnh khi bị mất | <p>- Luật Bưu chính số 49/2010/QH ngày 28/6/2010.</p> <p>- Nghị định số 47/2011/NĐ-CP ngày 17/6/2011 chi tiết thi hành một số nội dung của Luật Bưu chính.</p>                                                                                                                                                                                                                                                               |

| STT | Mã số TTHC | Tên thủ tục hành chính | Thời hạn giải quyết | Địa điểm thực hiện                                      | Phí/lệ phí (nếu có)                                                                                                                                                                                                                                                                            | Căn cứ pháp lý                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        |
|-----|------------|------------------------|---------------------|---------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|     |            | sử dụng được           |                     | - Nộp trực tuyến qua Hệ thống thông tin giải quyết TTHC | hoặc hư hỏng không sử dụng được: 500.000 đồng<br>+ Trường hợp cấp lại Văn bản xác nhận thông báo hoạt động bưu chính cho chi nhánh, văn phòng đại diện của doanh nghiệp cung ứng dịch vụ bưu chính được thành lập theo pháp luật Việt Nam bị mất hoặc hư hỏng không sử dụng được: 500.000 đồng | - Nghị định số 25/2022/NĐ-CP ngày 12/4/2022 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 47/2011/NĐ-CP ngày 17/6/2011 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số nội dung của Luật Bưu chính.<br>- Thông tư số 291/2016/TT-BTC ngày 15/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định điều kiện hoạt động bưu chính.<br>- Thông tư số 25/2020/TT-BTC ngày 14/4/2020 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 291/2016/TT-BTC ngày 15/11/2016 quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định điều kiện hoạt động bưu chính. |



| STT      | Mã số TTHC                                           | Tên thủ tục hành chính                                               | Thời hạn giải quyết                                                                                | Địa điểm thực hiện                                                                                                                                                      | Phí/lệ phí (nếu có) | Căn cứ pháp lý                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           |
|----------|------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| <b>B</b> | <b>THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP HUYỆN</b>                  |                                                                      |                                                                                                    |                                                                                                                                                                         |                     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          |
| <b>I</b> | <b>LĨNH VỰC HOẠT ĐỘNG KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ (03)</b> |                                                                      |                                                                                                    |                                                                                                                                                                         |                     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          |
| 1        | 2.002722                                             | Thủ tục xác định nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở sử dụng ngân sách nhà nước | Không quy định                                                                                     | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nộp hồ sơ trực tiếp tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả UBND cấp huyện</li> <li>- Gửi hồ sơ qua dịch vụ bưu chính.</li> </ul> | Không               | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật khoa học và công nghệ ngày 18 tháng 6 năm 2013.</li> <li>- Nghị định số 08/2014/NĐ-CP ngày 27 tháng 01 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật khoa học và công nghệ.</li> <li>- Thông tư số 09/2024/TT-BKH&amp;CN ngày 27 tháng 12 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh, cấp cơ sở sử dụng ngân sách nhà nước.</li> </ul> |
| 2        | 2.002723                                             | Thủ tục tuyển chọn nhiệm vụ khoa học và công nghệ                    | - Kết thúc thời hạn nhận hồ sơ đăng ký tuyển chọn trong thời hạn 10 ngày làm việc, cơ quan, đơn vị | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nộp hồ sơ trực tiếp tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả UBND</li> </ul>                                                       | Không               | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật khoa học và công nghệ ngày 18 tháng 6 năm 2013.</li> <li>- Nghị định số 08/2014/NĐ-</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             |

| STT | Mã số TTHC | Tên thủ tục hành chính               | Thời hạn giải quyết                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | Địa điểm thực hiện                                        | Phí/lệ phí (nếu có) | Căn cứ pháp lý                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               |
|-----|------------|--------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------|---------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|     |            | cấp cơ sở sử dụng ngân sách nhà nước | <p>cấp cơ sở tổ chức mở, kiểm tra và xác nhận tính hợp lệ của hồ sơ đăng ký tuyển chọn nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở;</p> <p>- Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày có kết quả tư vấn của Hội đồng tuyển chọn, kết quả thẩm định của Tổ thẩm định kinh phí (nếu có), tổ chức chủ trì và chủ nhiệm nhiệm vụ có trách nhiệm hoàn thiện hồ sơ gửi về cơ quan, đơn vị cấp cơ sở;</p> <p>- Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ, thủ trưởng cơ quan, đơn vị cấp cơ sở quyết định theo thẩm quyền hoặc trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt kết quả tuyển chọn tổ</p> | <p>cấp huyện</p> <p>- Gửi hồ sơ qua dịch vụ bưu chính</p> |                     | <p>CP ngày 27 tháng 01 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật khoa học và công nghệ.</p> <p>- Thông tư số 09/2024/TT-BKHCN ngày 27 tháng 12 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh, cấp cơ sở sử dụng ngân sách nhà nước.</p> |

| STT | Mã số TTHC | Tên thủ tục hành chính                                                                           | Thời hạn giải quyết                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | Địa điểm thực hiện                                                                                                                                                 | Phí/lệ phí (nếu có) | Căn cứ pháp lý                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                |
|-----|------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|     |            |                                                                                                  | chức chủ trì, chủ nhiệm nhiệm vụ và kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở theo quy định về tổ chức và hoạt động của mình                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         |                                                                                                                                                                    |                     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               |
| 3   | 2.002724   | Thủ tục đánh giá, nghiệm thu nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở sử dụng ngân sách nhà nước | <ul style="list-style-type: none"> <li>Hồ sơ đề nghị đánh giá, nghiệm thu kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở phải gửi đến cơ quan, đơn vị cấp cơ sở trong hạn 15 ngày kể từ ngày kết thúc thời gian thực hiện nhiệm vụ theo hợp đồng, bao gồm cả thời gian gia hạn thực hiện nhiệm vụ (nếu có);</li> <li>Sau khi nhận được hồ sơ đề nghị đánh giá, nghiệm thu của tổ chức chủ trì nhiệm vụ cơ quan, đơn vị cấp cơ sở tiến hành kiểm tra tính hợp lệ</li> </ul> | <ul style="list-style-type: none"> <li>Nộp hồ sơ trực tiếp tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả UBND cấp huyện</li> <li>Gửi hồ sơ qua dịch vụ bưu chính</li> </ul> | Không               | <ul style="list-style-type: none"> <li>Luật khoa học và công nghệ ngày 18 tháng 6 năm 2013.</li> <li>Nghị định số 08/2014/NĐ-CP ngày 27 tháng 01 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật khoa học và công nghệ.</li> <li>Thông tư số 09/2024/TT-BKHCN ngày 27 tháng 12 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh, cấp cơ sở sử dụng ngân sách nhà nước.</li> </ul> |

| STT | Mã số TTHC | Tên thủ tục hành chính | Thời hạn giải quyết                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | Địa điểm thực hiện | Phí/lệ phí (nếu có) | Căn cứ pháp lý |
|-----|------------|------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------|---------------------|----------------|
|     |            |                        | <p>của hồ sơ;</p> <p>- Đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ được đánh giá “Đạt” trở lên: trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày họp Hội đồng nghiệm thu, chủ nhiệm nhiệm vụ và tổ chức chủ trì có trách nhiệm bổ sung, hoàn chỉnh hồ sơ nhiệm vụ theo kết luận của Hội đồng, lấy ý kiến của Chủ tịch Hội đồng về việc hoàn thiện hồ sơ và gửi về cơ quan, đơn vị cấp cơ sở;</p> <p>- Đối với nhiệm vụ xếp loại ở mức “Không đạt”: cơ quan, đơn vị cấp cơ sở chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan tiến hành xử lý theo quy định về xử lý đối với nhiệm vụ không hoàn thành tại Điều 16 và Điều 17 Thông tư liên tịch số</p> |                    |                     |                |

| <b>STT</b> | <b>Mã số<br/>TTHC</b> | <b>Tên thủ tục<br/>hành chính</b> | <b>Thời hạn giải quyết</b>   | <b>Địa điểm thực<br/>hiện</b> | <b>Phí/lệ phí<br/>(nếu có)</b> | <b>Căn cứ pháp lý</b> |
|------------|-----------------------|-----------------------------------|------------------------------|-------------------------------|--------------------------------|-----------------------|
|            |                       |                                   | 27/2015/TTLT-BKHCHN-<br>BTC. |                               |                                |                       |